

VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN – TƯ LIỆU

**DIỄN BIẾN VÀ BÌNH LUẬN TÌNH HÌNH KINH TẾ TRONG NƯỚC VÀ
THẾ GIỚI**
SỐ 01 – 2011

PHẦN I: KINH TẾ VIỆT NAM

I. Tình hình kinh tế Việt Nam quý I năm 2011

1. Bối cảnh kinh tế xã hội trong và ngoài nước

Kinh tế Việt Nam năm 2010 đã đạt được nhiều thành công trong việc phục hồi kinh tế sau khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, bước vào năm 2011, kinh tế nước ta tiếp tục đối mặt với những thách thức và nguy cơ lớn:

Ở trong nước, môi trường kinh tế vĩ mô vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Lạm phát hai con số, nhập siêu còn lớn, lãi suất cao, nợ công cao, tỷ giá không ổn định, thị trường chứng khoán trầm lắng, thị trường bất động sản chứa đựng nhiều yếu tố bất ổn,... đã tác động xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh và gây ra nhiều khó khăn cho đời sống người dân. Bên cạnh đó, cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm, chất lượng tăng trưởng còn thấp. Việc nỗ lực duy trì tăng trưởng cao trong một thời gian dài với phương thức tăng trưởng lạc hậu, chậm đổi mới đã gây nhiều hệ lụy cho nền kinh tế. Quá trình chuyển dịch cơ cấu giữa các ngành kinh tế và trong nội bộ từng ngành còn chậm, nhất là về chuyển dịch cơ cấu lao động; chất lượng giáo dục, đào tạo, trình độ nhân lực hạn chế, thiếu lực lượng lao động có trình độ tay nghề giỏi; năng suất lao động chưa cao, trình độ khoa học, công nghệ ở nhiều ngành còn lạc hậu, tỷ trọng giá trị gia tăng thấp, sản phẩm có uy tín, có thương hiệu và có khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế còn ít; sản phẩm sản xuất trong nước ở một số lĩnh vực chưa đáp ứng được yêu cầu hoặc chưa đáp ứng được thị trường tiêu dùng trong nước; kết cấu hạ tầng thiếu đồng bộ, chưa bảo đảm chất lượng, tình trạng thiếu điện còn trầm trọng đã trở thành những điểm nghẽn của tăng trưởng và phát triển cả trước mắt và lâu dài.

Trên thế giới nguy cơ bất ổn kinh tế còn lớn. Kinh tế thế giới đang hồi phục chậm lại, lạm phát, thất nghiệp và nợ công cao đang gây khó khăn cho nền kinh tế sau khủng hoảng. Những vấn đề như bảo hộ mậu dịch, biến động giá cả, khan hiếm nguyên liệu, năng lượng trên thế giới sẽ tác động xấu đến phát triển kinh tế Việt Nam năm 2011.

Kinh tế thế giới tiếp tục phục hồi trong năm 2010, nhưng do phải đối mặt với nhiều rủi ro, thách thức và nguy cơ bất ổn, kinh tế các nước và các nhóm nước phục hồi không đồng đều và sự phục hồi của kinh tế toàn cầu có xu hướng chậm lại. Các nền kinh tế đang nổi tăng trưởng nhanh và dẫn đầu đà phục hồi của kinh tế thế giới, trong khi các nền kinh tế phát triển tăng trưởng khó khăn do thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt, tỷ lệ thất nghiệp cao và khủng hoảng nợ công châu Âu. Dự báo trong năm 2011, sự phục hồi mạnh hơn của một số nền kinh tế phát triển, các mối liên kết quốc tế được tăng cường, sự phục hồi của các dòng vốn trên thế giới, thương mại toàn cầu tiếp tục được phục hồi, cầu nội địa tăng,... sẽ tác động tích cực tới triển vọng kinh tế thế giới, nhưng nhiều rủi ro mới cũng sẽ xuất hiện như giá lương thực leo thang, lạm phát cao tại hầu hết các nước, tăng trưởng quá nóng tại các nền kinh tế đang nổi, khủng hoảng chính trị tại Trung Đông - Bắc Phi,... Bên cạnh những rủi ro đã tồn tại từ năm 2010, những rủi ro mới này sẽ cản trở đà phục hồi của nền kinh tế thế giới trong năm 2011, khiến tốc độ tăng trưởng của kinh tế thế giới năm 2011 được dự báo thấp hơn so với năm 2010.

2. Một số chính sách đáng chú ý trong điều hành nền kinh tế của Chính phủ trong quý I/2011

Quý I/2011, Chính phủ đã nhất trí đưa ra các biện pháp mạnh để khôi phục lại nền kinh tế và ổn định kinh tế vĩ mô. Theo đó chú ý tập trung giải quyết những bất ổn cho dù điều này sẽ làm giảm tăng trưởng trong ngắn hạn. Chính phủ theo đuổi chính sách tài chính và tiền tệ chặt chẽ và thận trọng, thể hiện qua việc ban hành Nghị quyết 11, bao gồm một loạt các cải cách tiền tệ, tài chính và cơ cấu.

Có thể nói, việc thiếu một chính sách vĩ mô tổng thể và nhất quán đã làm cho bất ổn kinh tế vĩ mô trong những năm qua của Việt Nam đi từ thái cực này sang thái cực khác. Việc công bố các chính sách ổn định kinh tế lần này là một bước tiến quan trọng đúng hướng để phá vỡ chu kỳ phát triển nóng rồi lại tăng trưởng chậm của Việt Nam và khôi phục lại hình ảnh Việt Nam là một trong những điểm đến hấp dẫn của đầu tư nước ngoài trong khu vực. Ngoài ra, với các điều chỉnh ngân sách năm 2011 và Nghị quyết gần đây, Chính phủ đã thể hiện quyết tâm tiếp tục củng cố các tài khoản tài chính và dần dần giảm bớt thâm hụt ngân sách đến mức trước thời điểm kinh tế suy thoái.

Các chính sách của Chính phủ tập trung vào các điểm sau:

- Chính sách tỷ giá

Tỷ giá của đồng Việt Nam đã được điều chỉnh giảm 9,3% so với đồng USD và biên độ giao dịch đã được thu hẹp từ +/-3% xuống còn +/- 1%. Đây là đợt điều chỉnh tỷ giá lớn nhất kể từ khi Việt Nam đối mặt với những bất ổn kinh tế vĩ mô từ năm 2007.

Việc phát triển nhanh chóng các hoạt động buôn bán vàng bất hợp pháp đã dẫn đến sự gia tăng đáng kể về lỗi và sai sót trong cân cân thanh toán, Nghị quyết số 11 đã chỉ thị NHNN ban hành Nghị định về Quản lý giao dịch vàng mà mục tiêu là tập trung xuất khẩu vàng, loại bỏ kinh doanh vàng miếng và ngăn chặn nạn buôn lậu vàng qua biên giới.

- ***Chính sách tiền tệ***

Trong bốn tháng qua, NHNN Việt Nam đã tăng lãi suất tái cấp vốn từ 8% lên 11% và điều chỉnh tăng lãi suất mua bán giấy tờ có giá qua đêm trên thị trường mở từ 7% lên 12%.

NHNN cũng công bố mục tiêu tăng trưởng tín dụng trong năm 2011 sẽ giảm xuống mức 20% so với mức 39% trong năm 2009 và mức 30% trong năm 2010. Đây là mục tiêu tăng trưởng thấp nhất trong vòng 10 năm qua. Đồng thời tốc độ tăng trưởng tổng phương tiện thanh toán cũng được đặt mục tiêu duy trì ở mức 15 – 16% trong năm 2011 – mức thấp nhất kể từ khi chương trình cải cách được khởi xướng từ năm 1991.

- ***Chính sách tài khóa***

Chính phủ sẽ cắt giảm chi thường xuyên 10%, dừng phê duyệt các dự án mới trong khu vực công bao gồm cả các doanh nghiệp nhà nước và do đó làm giảm thâm hụt ngân sách xuống dưới 5% GDP trong năm 2011 – giảm 1% so với mức thâm hụt năm 2010 và giảm 0,3% so với mức thâm hụt theo dự toán ngân sách năm 2011.

- ***Chính sách đối với khu vực ngân hàng***

Nghị quyết 11 hạn chế các ngân hàng thương mại cho vay đối với các hoạt động phi sản xuất, trong đó bao gồm bất động sản và thị trường chứng khoán, đến ngày 30/06/2011, tỷ trọng dư nợ cho vay lĩnh vực phi sản xuất so với tổng dư nợ của hệ thống ngân hàng không được vượt quá 22% và đến ngày 31/12/2011, tỷ trọng này tối đa là 16%. Đối với các ngân hàng không tuân thủ theo lộ trình, NHNN sẽ yêu cầu tăng gấp đôi tỷ lệ dự trữ bắt buộc và hạn chế các hoạt động kinh doanh. NHNN sẽ rà soát việc tuân thủ của hệ thống ngân hàng vào tháng 6/2011.

- ***Chính sách đối với doanh nghiệp Nhà nước***

Chính phủ yêu cầu xem xét các khoản vay dự kiến và các dự án đầu tư của DNNN để xác định những khoản vay hoặc dự án có thể dừng hoạt động thu nhỏ lại về quy mô. Bên cạnh đó, Chính phủ sẽ đẩy nhanh quá trình cổ phần hóa và tăng cường quản trị đối với các DNNN.

- ***Các giải pháp mang tính cơ cấu khác***

Chính phủ đang chuẩn bị ban hành một thông tư đẩy mạnh công tác công bố và minh bạch thông tin và các chính sách liên quan tới quản lý tiền tệ và hoạt động của ngân hàng.

Cuối cùng chính phủ đang chuyển từ cơ chế định giá các mặt hàng thiết yếu như khí đốt, điện và nhiên liệu mang tính mệnh lệnh hành chính sang một cơ chế dựa trên các nguyên tắc thị trường nhiều hơn. Chính phủ cũng đã tăng giá điện 15,3%, giá gas 18% dầu diesel là 24% và dầu hỏa là 21%. Ngoài ra, sẽ ban hành một quy định liên quan tới việc đưa giá điện theo cơ chế thị trường.

3. Một số kết quả đạt được

Mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng trong quý I/2011 nền kinh tế Việt Nam đã đạt được những kết quả khá tích cực được thể hiện trên một số mặt sau:

Một là, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I là 5,43%, trong đó nông lâm ngư nghiệp tăng 2,05%, công nghiệp tăng 14,1%, dịch vụ tăng 6,28%. Tốc độ tăng trưởng GDP không cao nhưng vẫn khá trong bối cảnh chính sách kinh tế lấy ổn định vĩ mô làm chính và tăng trưởng không còn là chỉ tiêu hàng đầu.

Đáng lưu ý, giá trị sản xuất công nghiệp tăng 14,1% so với cùng kỳ năm trước; tổng giá trị đạt 198.719 tỉ đồng. Trong tổng giá trị đó đóng góp của các doanh nghiệp nhà nước là 20,14%, của khu vực tư nhân trong nước 37,51% và khu vực đầu tư nước ngoài 42,35%; tốc độ tăng trưởng so với quý I năm trước của ba khu vực này tương ứng là 5,5%, 16,6% và 16,3%.

Tỷ trọng của khối doanh nghiệp nhà nước trong công nghiệp chỉ cỡ 1/5 và với sự chênh lệch tốc độ tăng trưởng cỡ 10-11% (con số chênh lệch này khá ổn định trong thời gian dài trong các năm qua) nếu giữ được ổn định trong tương lai thì sau 5 năm nữa tỷ lệ của khu vực doanh nghiệp nhà nước chỉ còn cỡ 16%. Đây là xu hướng lành mạnh.

Tổng mức bán lẻ đạt khoảng 452 ngàn tỉ đồng, tăng 22,6% (tăng 8,7% nếu trừ tăng giá) so với quý I năm trước, (trong đó khu vực doanh nghiệp nhà nước chiếm 11,1%).

Tổng kim ngạch xuất khẩu quý I ước đạt 19,2 tỷ đồng tăng 33,7% so với cùng kỳ năm trước, gấp 3 lần chỉ tiêu kế hoạch đã được quốc hội thông qua (10%)

Trong quý I, cả nước có 173 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài đăng ký mới với tổng số vốn đầu tư đăng ký mới đạt xấp xỉ 2,04 tỷ USD; vốn thực hiện đạt 2,54 tỷ USD, tăng 1,6% so với cùng kỳ.

Hai là, cắt giảm đầu tư từ ngân sách Nhà nước 3.400 tỷ đồng: Năm 2011 sẽ thực hiện các giải pháp về đầu tư thuộc nguồn vốn nhà nước, góp phần kiềm chế lạm phát như: Không ứng trước vốn ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ năm 2012; không kéo dài thời gian giải ngân chi đầu tư đầu tư phát triển năm 2010 và năm 2011;

không khởi công dự án mới, cắt giảm và điều chuyển vốn các dự án kém hiệu quả, triển khai chậm hoặc không có điều kiện triển khai.

Về cắt giảm các dự án trong kế hoạch năm 2011, theo tổng hợp báo cáo sơ bộ của 30 bộ, ngành ở Trung ương, 63 tỉnh thành phố và 12 tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước đã cắt giảm được 1.387 dự án với tổng số vốn cắt giảm khoảng 3.400 tỷ đồng.

Ba là, tập trung vốn cho sản xuất kinh doanh: Thời gian qua, NHNN đã yêu cầu các tổ chức tín dụng điều chỉnh kế hoạch kinh doanh, cơ cấu tín dụng để tập trung vốn phát triển sản xuất kinh doanh, nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa, công nghiệp hỗ trợ, giảm tỷ trọng dư nợ cho vay lĩnh vực phi sản xuất. Quy định lãi suất huy động bằng VNĐ của các tổ chức tín dụng không vượt quá 14%/năm. Nhờ thực hiện mạnh mẽ các biện pháp nên đã đem lại kết quả bước đầu, tổng phương tiện thanh toán chỉ tăng 1,7%, tổng dư nợ tín dụng tăng 3,68% so với cuối năm 2010.

- *Về tình hình lãi suất:* Sau khi có Thông tư 02 của NHNN quy định về mức lãi suất huy động tối đa không quá 14%, lãi suất đã ít biến động và ổn định hơn. Tất cả các Tổ chức tín dụng đều áp dụng lãi suất huy động dưới 14% và thực hiện niêm yết công khai lãi suất huy động. Lãi suất cho vay tùy theo lĩnh vực cho vay, đối tượng vay và khách hàng vay khác nhau. Hiện nay mức lãi suất cho vay lĩnh vực sản xuất kinh doanh phổ biến ở mức 17% - 18%.

Lãi suất huy động ít biến động so với cuối tháng 1/2011, lãi suất huy động VNĐ bình quân ở mức 13,04%/năm. Lãi suất cho vay tăng khoảng 0,5 – 1% so với tháng 1/2011. Lãi suất cho vay bình quân ở mức 16,23%.

- *Về tình hình tỷ giá:* Tỷ giá ít biến động hơn và có xu hướng ổn định, giao dịch trên thị trường phi chính thức giảm hẳn. Việc mua bán ngoại tệ tại hệ thống ngân hàng đã trở nên dễ dàng hơn.

Bốn là, thực hiện đồng bộ các giải pháp chống đô la hóa, vàng hóa, quản lý chặt chẽ thị trường vàng, cấm kinh doanh vàng miếng trên thị trường tự do: Trong tháng 3, lực lượng công an phối hợp với các ngành chức năng rà soát tất cả các điểm kinh doanh ngoại tệ trái phép; các cửa hiệu kinh doanh kinh doanh vàng không phép; xử lý hành chính nhiều trường hợp để răn đe, giáo dục, phòng ngừa vi phạm, sử dụng đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ phát hiện, tập trung đấu tranh với các tổ chức, cá nhân có biểu hiện hoạt động đầu cơ, thao túng thị trường.

Đối với thị trường vàng: Các giải pháp về kiểm soát thị trường vàng và cùng với việc tỷ giá trên thị trường tự do giảm và ổn định đã có những tác động tốt đến thị trường vàng. Mức độ dao động hẹp hơn, biến động ít hơn. Điều này có ý nghĩa và tác động tích cực đối với thị trường ngoại hối, làm giảm tâm lý găm giữ vàng, ngoại tệ của người dân, doanh nghiệp, có tác động tích cực đến ổn định thị trường, hoạt động

ngân hàng và ổn định kinh tế vĩ mô, đặc biệt trong điều kiện giá cả hàng hóa và lạm phát diễn biến phức tạp.

Năm là, chăm lo cho người nghèo, người thu nhập thấp: Trước áp lực giá cả tăng cao, Chính phủ đã triển khai trợ cấp khó khăn đột xuất cho người có thu nhập thấp, các DNNVV. Cụ thể, hỗ trợ công chức, viên chức, lực lượng vũ trang có hệ số lương ngạch bậc từ 3.0 trở xuống; người hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội mức thấp nhất từ 2,2 triệu/ tháng trở xuống; người có công với cách mạng, đối tượng hưởng trợ cấp tuất, hộ nghèo với mức từ 100.000 đồng đến 250.000 đồng/ người; đồng thời giãn 1 năm thời gian nộp thuế với DNNVV và doanh nghiệp siêu nhỏ.

4. Một số khó khăn thách thức

Tuy đạt được những kết quả khá tích cực nhưng nền kinh tế còn phải chịu nhiều thách thức, đó là dự trữ ngoại hối thấp trong bối cảnh thị trường ngoại tệ và tỷ giá chưa ổn định; nhiều nguồn ngoại tệ còn chưa được thu hút vào hệ thống ngân hàng thể hiện qua lỗi và sai sót trên cán cân thanh toán còn lớn; lạm phát có dấu hiệu tăng cao trong những tháng cuối năm 2010 và đầu năm 2011. Kinh tế phục hồi chưa bền vững. Các khó khăn lớn gặp phải như.

Một là, tăng trưởng kinh tế bị chậm lại. Tốc độ tăng GDP ước đạt 5,43%, thấp hơn tốc độ tăng 5,84% của quý I năm trước, lại diễn ra ở cả 3 nhóm ngành: nông, lâm nghiệp- thủy sản (2,05% so với 3,74%); công nghiệp - xây dựng (5,47% so với 5,6%); dịch vụ (6,28% so với 6,64%).

Hai là, tình trạng lạm phát cao gây khó khăn cho hầu hết các doanh nghiệp và ảnh hưởng tới cuộc sống của người dân.

Ba là, giá cả một số nguyên vật liệu, hàng hóa trên thị trường thế giới tiếp tục ở mức cao trong tháng qua cộng hưởng với việc tỷ giá USD/VND liên ngân hàng tăng 9,3% (từ 11/2/2011) đã khiến nhiều doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu, hàng hóa từ nước ngoài gặp nhiều bất lợi.

Bốn là, các doanh nghiệp và các tổ chức kinh doanh tiếp tục đối mặt với mức lãi suất cho vay cao, trong khi phần lớn các doanh nghiệp nhỏ và vừa có nguồn vốn hoạt động là từ vốn vay ngân hàng.

Năm là, tình trạng nhập siêu tăng cao, gây áp lực lên tỷ giá, và dẫn đến tình trạng nhập khẩu lạm phát vào Việt Nam.

Một điểm đáng lưu ý nữa là tình trạng thiếu điện đã bắt đầu xảy ra, theo, EVN đã tiến hành cắt điện luân phiên. Điều này ảnh hưởng lớn tới không ít doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, nhất là các doanh nghiệp có công nghệ sản xuất cần sử dụng nhiều điện liên tục như: các doanh nghiệp xi măng, thép, dệt may,...

Trong số các khó khăn trên, đáng lưu ý là các vấn đề sau:

4.1 Lạm phát tăng cao

Thách thức lớn nhất hiện nay vẫn là lạm phát ở mức khá cao. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3 là 2,17% so với tháng trước làm cho CPI của 3 tháng đầu năm đã lên đến 6,12% (so với tháng 12-2011). CPI quý I so với cùng kỳ năm trước đã tăng 12,79%. Đến cuối tháng 4/2011, CPI đã tăng hơn 9%, vượt chỉ tiêu do Quốc hội đề ra là CPI cả năm không quá 7%. Một số mặt hàng tăng giá gây ảnh hưởng lớn như việc tăng giá của nhiều nhóm hàng đầu vào quan trọng như xăng dầu tăng 17,7% (từ ngày 24/2/2011) (gấp gần 3 lần so với mức tăng 6% trong quý I năm 2010), giá điện tăng 15,28% (từ ngày 01/3/2011) (gấp hơn 2,5 lần so với mức tăng 6,8% cùng thời điểm năm 2010),.... đã gây khó cho nhiều doanh nghiệp bởi đây đều là những yếu tố thiết yếu trong chi phí sản xuất kinh doanh.

Tình trạng lạm phát tăng cao và khó nắm bắt ở Việt Nam hiện nay bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân chính sau đây:

Một là, sự phục hồi kinh tế trong nước và thế giới góp phần phục hồi cầu tiêu dùng và giá cả hàng hóa tăng trở lại, đặc biệt với biến động giá cả của một số mặt hàng chủ yếu như nhóm lương thực, thực phẩm, nhà ở, vật liệu xây dựng và giáo dục. Giá cả một số mặt hàng thiết yếu thế giới như dầu thô và giá xăng - gas, sắt thép, nguyên vật liệu nhập khẩu đều tăng làm tăng giá đầu vào sản xuất.

Hai là, lạm phát do cầu kéo thường là do Chính phủ chi tiêu quá mức khi thực hiện chính sách thu chi ngân sách mở rộng, hoặc do hộ gia đình tăng chi tiêu tiêu dùng quá mức bình thường. Có thể nói, lạm phát ở Việt Nam về căn bản bắt nguồn từ việc chi tiêu công vượt quá khả năng hấp thụ (trong đó phải kể đến thất thoát) của nền kinh tế.

Ba là, lạm phát tiền tệ là lạm phát do cung tiền như NHNN mua ngoại tệ vào để giữ giá cho đồng nội tệ so với ngoại tệ, hay do NHNN mua công trái theo yêu cầu của nhà nước; do tăng tín dụng quá mức,... khiến cho lượng tiền trong lưu thông tăng lên, hoặc do tỷ giá hối đoái được điều chỉnh không phù hợp,...

Bốn là, lạm phát do chi phí đẩy chủ yếu đến từ phía cung và nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ những cú sốc tổng cung bất lợi như giá nguyên, nhiên liệu gia tăng đột biến, thảm họa tự nhiên làm đình trệ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Năm là, giá vàng ở mức cao tuy vàng không nằm trong giỏ hàng hóa tính CPI nhưng giá vàng tăng mạnh kéo theo nhiều hệ lụy, bao gồm cả sự lo ngại về việc giảm giá trị thị trường của tiền đồng. Giá vàng tăng có thể dẫn đến kỳ vọng gia tăng lạm

phát trong dân chúng và yếu tố tâm lý này có thể đẩy giá cả các hàng hóa khác trên thị trường lên cao.

Sáu là, tình trạng nhập khẩu lạm phát cũng là một nguyên nhân quan trọng dẫn đến việc CPI tăng cao. Giá cả nhiều loại hàng hóa trên thị trường thế giới tăng trong khi đó NHNN lại điều chỉnh tỷ giá VNĐ/USD tăng đã dẫn đến việc “tăng kép” hàng hóa nhập khẩu. Kim ngạch nhập khẩu hiện đang chiếm ưu thế so với nhập khẩu. Tình trạng này đã kéo theo việc nhập khẩu lạm phát vào Việt Nam.

Bảy là, lạm phát do kỳ vọng: Lạm phát trong quá khứ gây kỳ vọng cho người dân và doanh nghiệp có tâm lý là lạm phát sẽ tiếp tục xảy ra thậm chí còn cao hơn và chính kỳ vọng ấy thúc đẩy lao động đòi tăng lương, doanh nghiệp tăng giá bán sản phẩm, làm lạm phát trầm trọng hơn.

Bên cạnh đó, yếu tố tâm lý, tăng lương tối thiểu, tăng giá đầu vào sản xuất, biến động giá vàng và giá đô la gây áp lực lên mặt bằng giá chung, đồng thời tạo tâm lý đón đầu tăng giá.

Trên cơ sở tình hình giá cả các mặt hàng trong thời gian vừa qua, có thể thấy rằng CPI trong những tháng tiếp theo tiếp tục tăng ở mức cao. Đến thời điểm này, hầu như các biện pháp mạnh nhất đã được chính phủ đưa ra như thắt chặt chính sách tiền tệ (tốc độ tăng trưởng tín dụng dưới 20%); tổng phương tiện thanh toán khoảng 15 - 16%; tiết kiệm chi thường xuyên 10%; rà soát, sắp xếp lại các khoản đầu tư công,... đều đã được triển khai một cách đồng bộ và phần nào đã phát huy được tác dụng. Tuy nhiên, có thể nói, việc kiềm chế lạm phát dưới 7% như mục tiêu Quốc hội đề ra cho cả năm 2011 là khó khả thi.

4.2 Nhập siêu vẫn ở mức cao

Theo kế hoạch phát triển kinh tế năm 2011, tỷ lệ nhập siêu¹ là dưới 16%. Tuy nhiên, việc kiềm chế nhập siêu không đơn giản, vì từ nhiều năm nay, riêng 4 nhóm hàng hóa nhập khẩu gồm: năng lượng, máy móc thiết bị, vật liệu xây dựng và nguyên phụ liệu đầu vào cho làm hàng xuất khẩu đã chiếm trị giá áp đảo (trên 80%) tổng kim ngạch nhập khẩu. Trong 3 tháng đầu năm, tình hình diễn tiến tương tự như những năm trước. 3 nhóm trên đã chiếm trên 40% tổng giá trị nhập khẩu.

Nhìn vào bảng thống kê hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu mới thấy rõ, gần như mặt hàng xuất khẩu nào cũng đều dựa vào nguyên phụ liệu nhập khẩu, từ nguyên liệu thủy sản, hóa chất, chất dẻo cho đến dệt may, giày dép, gỗ và nguyên phụ liệu gỗ, linh

¹ Theo Tổng cục Thống kê, nhập siêu quý I là 3 tỷ USD, bằng 15,7% tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu.

kiện điện tử,... Đó là chưa kể nhiều loại hàng hóa trong nước không có hay chưa sản xuất được, hoặc sản xuất được nhưng chưa đáp ứng nhu cầu tiêu dùng,... Nói tóm lại, có đến 95% hàng nhập khẩu là để phục vụ sản xuất trong nước hoặc xuất khẩu, phần giá trị nhập khẩu dành cho tiêu dùng rất ít.

Thực tế, 3 tháng qua, trị giá nhập khẩu vẫn tăng mạnh. Số liệu của Tổng cục thống kê cho thấy tháng 03/2011, kim ngạch nhập khẩu lên đến 8,2 tỷ USD, cao nhất kể từ đầu năm và tính theo lịch sử ngoại thương nước ta, con số này chỉ kém mức 8,8 tỷ USD của tháng 12 năm 2010. Điều này bắt nguồn từ những biến cố chính trị và thiên tai trên thế giới.

Trong tháng 2/2011, chỉ tính riêng 12 mặt hàng nhập khẩu chủ chốt, biến động về giá trên thế giới đã làm kim ngạch nhập khẩu tăng thêm 957 triệu USD, bằng 16% kim ngạch nhập khẩu,. Tính chung cả quý I, 11 mặt hàng nhập khẩu đều tăng phổ biến trong khoảng 20 – 30% so với cùng kỳ năm trước. Biến động giá làm tăng kim ngạch khoảng 1,6 tỷ USD, tương đương 7,2% tổng kim ngạch nhập khẩu 3 tháng đầu năm.

Mặt khác, Đồng tiền Việt Nam mất giá không chỉ làm tăng kim ngạch nhập khẩu (quy ra VNĐ) mà còn ảnh hưởng đến xuất khẩu khi phải nhập hơn 80% nguyên nhiên liệu đầu vào phục vụ sản xuất xuất khẩu. Thực ra Việt Nam ít được hưởng lợi từ việc tỷ giá điều chỉnh khá mạnh trong thời gian gần đây. Tỷ giá USD/VNĐ tăng, khan hiếm USD và tác động của lạm phát, của lãi suất cao,... sẽ tiếp tục gây khó khăn cho các doanh nghiệp và sẽ ảnh hưởng tới kim ngạch xuất khẩu trong thời gian tới đây.

Một điểm đáng lưu ý là theo số liệu của bộ Công thương, lượng ngoại tệ dùng để nhập khẩu các hàng thuộc diện xa xỉ cần hạn chế nhập khẩu trong ba tháng đầu năm lên tới 1,36 tỉ USD, tăng 4,8% so với cùng kỳ năm ngoái và chiếm tới gần 40% giá trị nhập siêu của cả nước. Riêng lượng ngoại tệ dùng để nhập khẩu nhóm hàng tiêu dùng các loại lên tới 1,19 tỉ USD. Trong đó nhập khẩu xe hơi đạt 734 triệu USD tăng 20,3% so với cùng kỳ năm ngoái, nhập khẩu xe máy đạt 248 triệu USD tăng 19,1%. Các mặt hàng rau quả ngoại cũng đang tràn ngập tại các siêu thị, và đã cần tới lượng ngoại tệ lên tới 55 triệu USD.

Với người nghèo, khi lạm phát gia tăng, để tiết kiệm họ phải tìm đến các mặt hàng có giá cả thấp. Nghịch lý là, ở Việt Nam, hàng có giá cả thấp lại là hàng Trung Quốc. Hàng Trung Quốc hiện đã chiếm lĩnh hầu hết các thị trường hàng tiêu dùng từ đồ chơi trẻ em, quần áo, túi xách, chén đĩa, đồ nhựa, đồ điện tử,... đến các loại rau, củ, quả. Số liệu từ Tổng cục Thống kê cho thấy, nhập khẩu của Việt Nam từ Trung Quốc đã tăng từ 16,4 tỉ USD năm 2009 lên đến 20 tỉ USD năm 2010, trong đó nhập khẩu hàng tiêu dùng là 1,84 tỉ USD. Riêng hai tháng đầu năm 2011, nhập khẩu từ Trung Quốc là 3,1 tỉ USD, tăng 25% so với cùng kỳ năm 2010.

Khi người giàu tiếp tục xu hướng tiêu dùng hàng xa xỉ và người nghèo buộc phải dùng hàng ngoại rẻ tiền để tiết kiệm do lạm phát, thì nhập siêu của cả nước trong quý 1/2011 đã lên tới 3,5 tỉ USD, trong đó riêng tháng 3 tăng 1,41 tỉ USD là điều không hề ngạc nhiên.

Điều đó cho thấy, để giữ được nhập siêu theo đúng như kế hoạch là một vấn đề hết sức khó khăn. Bởi lẽ, các nhóm hàng nhập khẩu phục vụ sản xuất trong nước và làm hàng xuất khẩu vẫn còn có nhu cầu lớn, trong khi giá cả lại phụ thuộc vào những biến động khó lường từ thị trường và chính trường thế giới. Do đó việc kiểm chế nhập siêu phải bao gồm cả các chính sách phát triển sản xuất (để thỏa mãn nhu cầu trong nước, hạn chế nhập khẩu), khuyến khích đẩy mạnh xuất khẩu (để bù đắp cho cán cân xuất nhập khẩu).

Như vậy có thể nói, trong những tháng qua, tình trạng nhập siêu không những không được cải thiện mà còn căng thẳng hơn, mặc dầu, có những thời điểm nhập khẩu chững lại do những tác động của chính sách nhà nước trong việc kiểm soát hoạt động nhập khẩu, khuyến khích xuất khẩu, sử dụng sản phẩm trong nước, điều chỉnh tỷ giá, điều chỉnh thuế để góp phần hạn chế nhập siêu. Các biện pháp hạn chế nhập siêu vẫn chưa phát huy được nhiều tác dụng do chủ yếu tập trung vào việc hạn chế các nhóm mặt hàng nhập khẩu phục vụ tiêu dùng, nhưng tỷ trọng của các nhóm hàng này rất nhỏ (chỉ chiếm khoảng 19%) trong tổng kim ngạch nhập khẩu, trong khi các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu (81% còn lại) rất khó có thể áp dụng các biện pháp này. Những giải pháp hạn chế nhập siêu hiện nay còn mang tính ngắn hạn và chưa bền vững (ví dụ như đẩy mạnh xuất khẩu là rất khó thực hiện, kiểm soát nhập khẩu có thể vi phạm các cam kết thương mại,...). Thêm vào đó, cơ cấu và khả năng cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu rất hạn chế, chính sách điều hành tỷ giá trong một thời gian dài chưa hợp lý, gây sức ép không nhỏ tới hoạt động thương mại của Việt Nam.

Vấn đề này nằm ở chính cơ cấu của nền kinh tế và chừng nào chưa tái cơ cấu lại một cách căn bản (chủ yếu là các tập đoàn và các doanh nghiệp nhà nước) thì mất cân đối thương mại vẫn là bài toán hóc búa và không thể giải được bằng các biện pháp hạn chế, không khuyến khích hay hành chính. Có thể nói vấn đề nhập siêu, mất cân đối thương mại gắn với vấn đề tỷ giá, vấn đề nợ nần của nền kinh tế. Các vấn đề này chỉ có thể giải quyết được một cách căn bản khi Nhà nước và các doanh nghiệp nhà nước cắt giảm đầu tư, tăng hiệu quả đầu tư. Đây là những biện pháp căn bản và dài hạn để tăng hiệu quả và sức cạnh tranh của cả nền kinh tế. Không giải quyết tận gốc rễ, thì các biện pháp hành chính có mạnh mẽ đến đâu cũng không có kết quả lâu bền.

4.3. Đầu tư công tại các địa phương tăng cao

Theo báo cáo quý 1 của Tổng cục Thống kê về đầu tư phát triển, tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội thực hiện trong quý 1 chiếm xấp xỉ 39% GDP, trong khi đó tỷ lệ này của quý 1/2010 là 40,4% GDP.

Như vậy tỷ lệ đầu tư trên GDP của quý 1/2011 giảm được khoảng 1 điểm phần trăm so với cùng kỳ của năm 2010 và giảm hơn 2 điểm phần trăm so với cả năm 2010. Điều này có thể do tác động tích cực của các chính sách như thắt chặt tiền tệ, chủ động cắt giảm chi tiêu công trong thời gian gần đây.

Xét kỹ đến cơ cấu sở hữu về đầu tư có thể thấy, cơ cấu đầu tư của khu vực nhà nước của quý 1/2011 giảm gần 4 điểm phần trăm so với quý 1/2010, tốc độ tăng về vốn của khu vực này cũng giảm hơn 7 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Đó là một tín hiệu tốt nhưng tốc độ về tăng vốn đầu tư của khu vực này cũng vẫn quá cao (15,2%). Đặc biệt, nguồn vốn đầu tư do địa phương quản lý theo báo cáo của cơ quan thống kê là “đạt 30,7 ngàn tỉ đồng” trong khi quý 1 năm trước chỉ “đạt 15,1 ngàn tỉ đồng”. Như vậy vốn đầu tư do địa phương quản lý trong quý 1/2011 hơn gấp đôi cùng kỳ năm trước.

Đó là tình trạng đáng báo động. Điều này cho thấy chi đầu tư từ ngân sách địa phương vẫn rất cao. Những tỉnh và thành phố có mức tăng cao (trên 50%) gồm: Thanh Hoá đạt 1.260 tỉ đồng, bằng 25,9% kế hoạch năm và tăng 54,6% so với cùng kỳ năm trước; Đà Nẵng đạt 1.579 tỉ đồng, bằng 46% và tăng 53,1%; Hậu Giang 754 tỉ đồng, bằng 36,4% và tăng 50,2%. Còn xét trên phương diện khối lượng vốn thực hiện thì lớn nhất là Hà Nội với 2.533 tỉ đồng, nhì là TP.HCM với 2.061 tỉ đồng.

Để thực hiện tốt chủ trương cắt giảm đầu tư công của Chính phủ, các tỉnh/thành phố cần xem xét, rà soát lại phương thức chi tiêu một cách mạnh mẽ hơn nữa.

II. Một số điểm cần lưu ý trong thời gian tới

Kinh tế-xã hội quý I năm 2011 mặc dù đạt được một số kết quả tích cực ở một số ngành, lĩnh vực nhưng hoạt động sản xuất kinh doanh thời gian tới sẽ gặp nhiều khó khăn, thách thức khi lạm phát đang ở mức cao. Do đó, để giảm lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, cải thiện an sinh xã hội, cần lưu ý giải quyết các vấn đề lớn sau:

Một là, bài toán ổn định tỷ giá, lãi suất và lạm phát

Có thể nói, trong thời gian tới, các chính sách của Việt Nam sẽ phải đối mặt với những thách thức khắc nghiệt khi xét tới sự cần thiết phải tạo ra sự cân bằng giữa thúc đẩy nền kinh tế thông qua các biện pháp tài khóa mở rộng đồng thời phải kiềm chế các áp lực lạm phát. Việc duy trì sự ổn định của tỷ giá hối đoái giữa đồng VND và USD sẽ là một thử thách lớn đối với các nhà hoạch định chính sách Việt Nam. Tính tích lũy thì đồng VNĐ đã giảm giá tới 14% so với đồng USD kể từ cuối năm 2009.

Có thể thấy rằng, lượng ngoại tệ dự trữ của Việt Nam không nhiều nên việc ngăn chặn mất giá bằng cách can thiệp vào thị trường tiền tệ là rất hạn chế.

Để thực hiện mục tiêu đề ra, cần áp dụng chính sách tiền tệ chặt chẽ, thận trọng, linh hoạt, hướng tới kiềm chế lạm phát cao, góp phần ổn định giá trị tiền đồng Việt Nam, tăng dần dự trữ ngoại hối. Nhanh chóng xây dựng các chính sách tăng cường quản lý thị trường ngoại tệ (đô la) và vàng, khắc phục tình trạng đầu cơ tích trữ, buôn bán trái phép. Có lộ trình và biện pháp phù hợp trong từng thời kỳ, đảm bảo lợi ích hợp pháp của người có tài sản này; quan tâm đúng mức nhu cầu chính đáng của doanh nghiệp và nhân dân, tránh tạo ra các "cú sốc" về tâm lý gây bất ổn xã hội; khuyến khích, không gây trở ngại cho việc thu hút các nguồn ngoại tệ từ nước ngoài về nước, tổ chức lại thị trường kinh doanh vàng. Tăng cường quản lý hoạt động của các ngân hàng thương mại, tránh rủi ro về nợ xấu, bảo đảm tính thanh khoản; khắc phục những bất hợp lý về lợi nhuận và thu nhập trong lĩnh vực này.

Bên cạnh đó, tiếp tục thực hiện việc lãi suất huy động không quá 14%. Thị trường tiền tệ sẽ giảm yếu tố cạnh tranh không lành mạnh về lãi suất và lãi suất trên thị trường sẽ giảm. Đồng thời vốn sẽ tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh. Khai thác và sử dụng vốn hợp lý, hiệu quả. Tăng trưởng tín dụng phù hợp với chỉ tiêu kế hoạch, đồng thời đảm bảo chất lượng và hiệu quả tín dụng. Điều chỉnh cơ cấu tín dụng hợp lý giữa VNĐ và ngoại tệ, theo hướng tăng trưởng tín dụng ngoại tệ phù hợp, an toàn và hiệu quả. Thực hiện nghiêm túc quy định về cho vay ngoại tệ cũng như hạn chế cho vay với các mặt hàng nhập khẩu không thiết yếu. Kiểm soát chất lượng tín dụng, tăng trưởng an toàn, hiệu quả. Hạn chế tối đa nợ xấu phát sinh.

Hai là, bài toán giảm bội chi ngân sách qua cắt giảm đầu tư công - thành tố chính để giúp ổn định vĩ mô, góp phần giải bài toán ngắn hạn nêu trên. Song, về lâu dài hơn, nhằm cả vào việc thay đổi cơ cấu nền kinh tế thiếu hiệu quả nghiêm trọng và thay bằng đầu tư khu vực tư nhân được chứng nhận là hiệu quả hơn nhiều.

Thực hiện chính sách tài khóa thắt chặt, giảm đầu tư công cần lưu ý: hướng tới giảm bội chi ngân sách nhà nước và nợ công ở mức phù hợp; kiểm soát chặt chẽ đầu tư của khu vực doanh nghiệp nhà nước. Kiên quyết khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, kéo dài thời gian hoàn thành công trình như lâu nay.

Ba là, bài toán phá vỡ dần tình trạng đóng băng của hai thị trường chứng khoán và bất động sản.

Hai thị trường này đang bị gọi là hai khu vực "phi sản xuất" trong phân bổ tín dụng, nhưng đích thực lại là hai kênh huy động vốn dài hạn và hiệu quả trong hoàn cảnh kinh tế đất nước. Cần có giải pháp đồng bộ chấn chỉnh thị trường bất động sản, không để trở thành nhân tố tác động gây ra lạm phát cao và nền kinh tế bong bóng.

Việc kiểm soát, hạn chế dòng vốn đầu tư vào thị trường bất động sản cần có lộ trình, bước đi và giải pháp phù hợp; chống đầu cơ nhưng cũng tránh gây sốc, làm đóng băng thị trường bất động sản, gây tác động xấu lan truyền đến hệ thống các tổ chức tín dụng và đời sống xã hội.

Bên cạnh đó cần lưu ý đến các vấn đề sau:

- Tập trung thực hiện các biện pháp kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho sản xuất kinh doanh và tiếp cận vốn đối với dự án hiệu quả, có đầu ra của sản phẩm, cải cách, giảm thủ tục để tiết giảm chi phí, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ phục vụ sản xuất và tiêu dùng; trong đó tập trung nguồn lực đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn, giữ an ninh lương thực và tăng xuất khẩu nông sản, cải thiện đời sống nông dân.

- Tận dụng mọi cơ hội tăng cường xuất khẩu; kiểm soát chặt chẽ nhập khẩu, nhất là những mặt hàng xa xỉ, hàng trong nước sản xuất được; tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam". Triển khai quyết liệt chủ trương khuyến khích phát triển công nghiệp hỗ trợ; thu hẹp dần sự mất cân đối trong cán cân xuất nhập khẩu, giảm nhập siêu.

- Đẩy mạnh việc tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước theo hướng: cổ phần hóa các tập đoàn kinh tế, các tổng công ty nhà nước; tập trung phát triển ngành sản xuất chính của doanh nghiệp; không khuyến khích phát triển những ngành không liên quan đến ngành sản xuất chính; sớm xác định cơ quan nhà nước đóng vai trò chủ sở hữu doanh nghiệp, khắc phục tình trạng không rõ ràng như hiện nay; sớm ban hành thể chế về quyền và trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân sử dụng vốn nhà nước trong sản xuất, kinh doanh.

- Song song với việc điều chỉnh giá điện theo cơ chế thị trường, đẩy mạnh tiến độ xây dựng các công trình điện; sớm có chính sách ưu đãi, biện pháp khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển mạnh các loại nguồn điện; xây dựng phong trào tiết kiệm năng lượng trong toàn xã hội, ban hành chính sách khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích tiết kiệm năng lượng; ưu tiên cung ứng đủ điện cho sản xuất; không khuyến khích đầu tư và sản xuất, xuất khẩu những sản phẩm tiêu tốn quá nhiều điện.

- Thực hiện tốt các chính sách về an sinh xã hội đã ban hành; đồng thời sâu sát nắm tình hình để hỗ trợ kịp thời những người cận nghèo, người thu nhập thấp gặp nhiều khó khăn do tác động của lạm phát và điều chỉnh giá. Tập trung ưu tiên nguồn lực cho phát triển nông nghiệp, đẩy mạnh sản xuất và quản lý tốt hoạt động xuất khẩu lương thực, thực phẩm, nâng cao thu nhập và đời sống của nông dân, chăm lo an sinh xã hội nông thôn.

III. Một số tác động từ tình hình thế giới đến Việt Nam trong thời gian tới

Trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, các biến động của thị trường thế giới có ảnh hưởng và tác động rất nhanh và mạnh đến nền kinh tế trong nước. Vì vậy để có thể vượt qua những khó khăn, thách thức và phát triển bền vững, bên cạnh việc xây dựng một cơ cấu kinh tế và mô hình tăng trưởng hợp lý, Việt Nam cần phải nắm bắt được những diễn biến trên thế giới và dự báo tốt những tác động, kết hợp với khả năng phản ứng chính sách kịp thời, hiệu quả để nâng cao sức đề kháng của nền kinh tế trước những cú sốc từ bên ngoài.

Các tác động từ bên ngoài đến Việt Nam trong thời gian tới gồm những yếu tố sau:

Một là, giá lương thực tăng cao tại các thị trường đang nổi. Giá lương thực bắt đầu tăng lên tại các nước như Trung Quốc và Ấn Độ vì nhiều nguyên nhân. Một là sản lượng thu hoạch thấp hơn dự kiến do các hiện tượng thời tiết bất thường. Hai là nhu cầu cao hơn vì các thị trường này đang phục hồi mạnh. Giá lương thực cao hơn đang làm tăng sức ép, buộc các chính phủ phải hành động.

Hai là, lãi suất cao hơn, cũng như các chính sách thắt lưng buộc bụng tại các thị trường đang nổi. Chính phủ tại các nước đang phát triển đang phản ứng mạnh với tình trạng lạm phát giá lương thực tăng lên bằng các chính sách thắt chặt tiền tệ. Trung Quốc đang tiếp tục tăng yêu cầu dự trữ bắt buộc, cũng như lãi suất. Ấn Độ, Hàn Quốc và Braxin cũng đang tiếp tục tăng lãi suất. Tuy nhiên, không có gì đảm bảo rằng việc tăng lãi suất và các chính sách thắt chặt tiền tệ sẽ hiệu quả. Giá lương thực và các mặt hàng như xăng dầu thường không bị tác động bởi chính sách tiền tệ.

Ba là, các cuộc khủng hoảng chính trị tại Trung Đông. Giá lương thực lên là một trong những nguyên nhân chủ chốt đằng sau các phong trào phản đối ở Trung Đông cùng với những khó khăn về kinh tế tiềm ẩn tại các nước này.

Bốn là, giá dầu tăng cao. Hậu quả của sự bất ổn chính trị tại Trung Đông là việc giá dầu thô tăng vọt. Sự tăng giá này đang ảnh hưởng đến nhiều nước trên thế giới, những nước đã thực hiện các chính sách thắt lưng buộc bụng để kiểm soát việc tăng giá, trong đó có Việt Nam.

Năm là, việc tăng lãi suất tại các nước phát triển. Các nước phát triển hiện phản ứng với giá lương thực và giá nhiên liệu tăng cao bằng việc tăng lãi suất. Động thái này có thể đánh dấu sự chấm dứt chính sách tiền tệ nới lỏng đang tồn tại kể từ sau cuộc khủng hoảng tài chính thế giới năm 2008. Dự kiến ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) có thể quyết định tăng lãi suất trong hội nghị vào đầu tháng 4 tới. Ngân hàng Trung ương Anh cũng có thể phải tăng lãi suất khi tỷ lệ lạm phát tăng cao hơn.

Sáu là, Mỹ sẽ kết thúc chương trình in thêm tiền thông qua việc bán trái phiếu Chính phủ dự kiến vào cuối tháng 6 tới. Kết quả của việc kết thúc này sẽ là việc siết chặt chính sách tiền tệ của Mỹ. Oasinton có thể không tăng lãi suất, nhưng việc không

in thêm tiền sẽ đánh dấu việc kết thúc một chính sách tiền tệ nói lỏng, đang góp phần thúc đẩy các thị trường.

Bảy là, việc cắt giảm chi tiêu ngân sách và các cuộc khủng hoảng nợ công. Mặc dù các Ngân hàng Trung ương đang chuẩn bị kết thúc các chính sách tiền tệ nói lỏng, các chính phủ cả ở hai bờ Đại Tây Dương cũng buộc phải cắt giảm chi tiêu ngân sách do những quan ngại về nợ công. Sự cắt giảm này đang được thể hiện rõ ràng nhất tại Châu Âu, nơi các nước như Hy Lạp hoặc Ailen đang bị Quỹ Tiền tệ quốc tế và Liên minh Châu Âu buộc phải củng cố các chính sách ngân sách. Tại Mỹ, Quốc hội mới cũng đang đấu tranh để cắt giảm ngân sách, có thể làm giảm các khoản chi tiêu kích thích kinh tế. Tất cả những điều này có nghĩa là các chính phủ sẽ giảm việc hỗ trợ các nền kinh tế vào thời điểm mà nền kinh tế chưa phục hồi hoàn toàn.

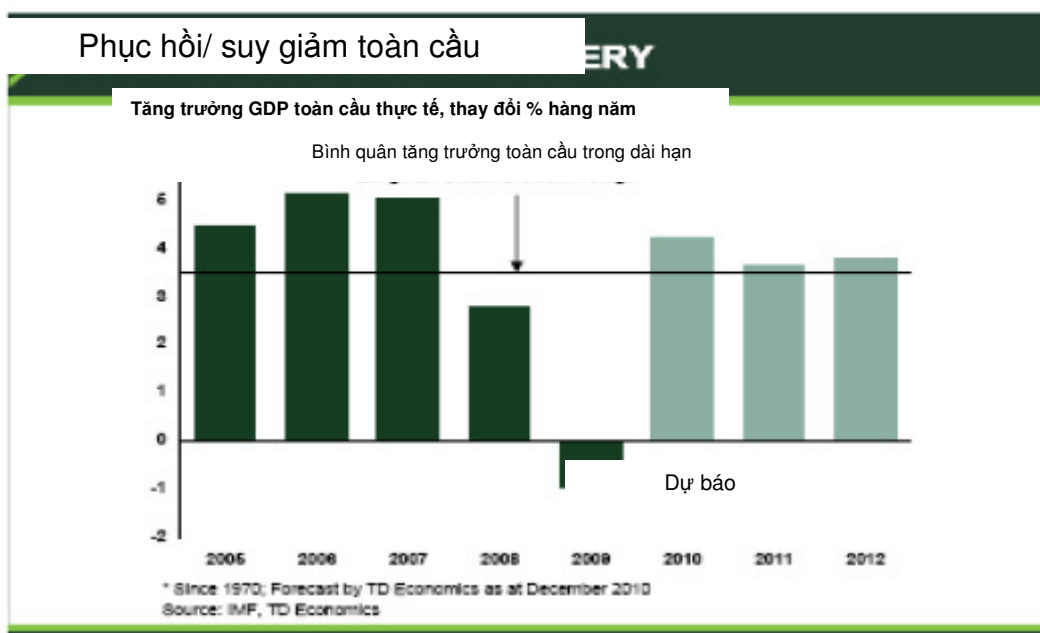
Tám là, thảm họa động đất và tai nạn hạt nhân tại Nhật Bản. Ngoài những thương vong và thiệt hại lớn do động đất, sóng thần và tai nạn hạt nhân gây ra. Nền kinh tế Nhật Bản hiện đang bị đe dọa do việc cắt giảm sản lượng và những khó khăn của các chuỗi cung cấp. Nhu cầu của Nhật Bản đối với dầu mỏ cũng sẽ tăng lên do họ tìm cách bù đắp lượng điện thiếu hụt của các nhà máy điện hạt nhân. Điều này sẽ tăng thêm sức ép đối với vấn đề giá xăng dầu tăng nhanh.

Chín là, do khủng hoảng kinh tế, nhiều rào cản thương mại đang được dựng lên ở khắp nơi như là một biện pháp để các Chính phủ bảo vệ các doanh nghiệp của mình. Mới đây, WTO đã cảnh báo về sự gia tăng điều tra chống bán phá giá, về nguy cơ trỗi dậy của bảo hộ thương mại. Có thể nói, bảo hộ thương mại đang biến hóa không ngừng, ngày càng trầm trọng và hình thức bảo hộ cũng đa dạng hơn. Trong thời kỳ suy thoái kinh tế, các nước đã sử dụng các biện pháp bảo hộ tiềm ẩn dưới hình thức cáo buộc bán phá giá, dưới dạng thuế, trợ cấp, cộng thêm những biện pháp hạn chế phi thuế quan khác,... Bên cạnh đó còn nhiều hình thức bảo hộ khác như trợ giá xuất khẩu, kiểm dịch thực vật và vệ sinh an toàn thực phẩm, áp dụng các hệ thống tiêu chuẩn mang tính địa phương,... Trong đó, các biện pháp bảo hộ liên quan đến tiêu chuẩn sản phẩm và các tiêu chuẩn địa phương đang được xem là có hiệu quả.

PHẦN II: KINH TẾ THẾ GIỚI

I. Bối cảnh chung - Kinh tế thế giới đối mặt nhiều khó khăn

Bắt đầu năm 2011, các nền kinh tế trên thế giới vẫn tiếp tục tái thiết trên đà phục hồi đã bắt đầu từ quý I năm 2010. Thực tế là từ khi suy thoái và phải thu hẹp từ năm 2009, tăng trưởng kinh tế toàn cầu có xu hướng đạt tốc độ bình quân cao hơn tốc độ 3,5% đã đạt được. Dự báo tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của kinh tế toàn cầu năm 2011 và 2012 vẫn sẽ trên mức trung bình, từ 3,5% đến 4%. Tuy nhiên, kinh tế thế giới những tháng đầu năm 2011 đã phục hồi chậm lại do những khó khăn từ các đầu tàu kinh tế, như xu hướng giảm phát của kinh tế Nhật Bản, việc chủ động điều chỉnh tốc độ tăng trưởng chậm lại ở Trung Quốc, những khó khăn về nợ công ở châu Âu; đặc biệt là trước những tác động tiêu cực từ cuộc khủng hoảng chính trị ở 11 nước Bắc Phi, Trung Đông và thảm họa thiên tai tại Nhật Bản (ước tính, lấy đi ít nhất 0,5% tăng trưởng kinh tế toàn cầu).



Trong bối cảnh đó, kinh tế thế giới lại phải đối mặt với những khó khăn, thách thức khác:

- *Lạm phát đang trở thành mối lo hàng đầu của tất cả các quốc gia*, khi mà chỉ số chung của các loại hàng hóa nguyên liệu thô đã tăng 8% chỉ trong vài tháng do ảnh hưởng từ các chương trình nới lỏng tiền tệ của nhiều nền kinh tế lớn trong năm 2010 và tình hình bất ổn chính trị tại Bắc Phi, Trung Đông. Nhiều nước ở châu Á có mức lạm phát cao nhất trong nhiều năm qua, như Trung Quốc 5%, Ấn Độ 8,2%, Hàn Quốc 4,7%... Thảm họa động đất, sóng thần và nguy cơ ảnh hưởng phóng xạ từ Nhật Bản đang có nguy cơ đẩy lạm phát tiếp tục tăng cao hơn tại châu Á do nhu cầu nhập khẩu

năng lượng, vật tư xây dựng, nông hải sản của Nhật Bản tăng mạnh, trong khi nguồn cung xuất khẩu các chi tiết công nghệ của Nhật Bản cho các ngành sản xuất hàng điện tử của châu Á giảm (giá của các bộ mạch vi xử lý được sử dụng trong các thiết bị điện tử đã tăng 8%, khí tự nhiên hóa lỏng tăng hơn 10% tại thị trường châu Á kể từ sau thảm họa này).

- *Giá các mặt hàng chiến lược tăng mạnh đang đe dọa an ninh năng lượng và an ninh lương thực của các quốc gia.* Giá dầu thô lên mức cao nhất trong hai năm rưỡi (113 USD/thùng ngày 8-4-2011, tăng gần 30% so với cùng kỳ năm trước), giá vàng đạt mức cao nhất trong lịch sử, ngày 25/4/2011, giá vàng giao ngay tăng lên mức cao mọi thời đại 1,513.70 USD/oz, từ mức 1,507.69 USD/oz trong phiên giao dịch ngày thứ Sáu. Giao dịch trở lại sau ngày nghỉ lễ, giá vàng giao tháng 6 trên sàn COMEX tại New York cũng lên kỷ lục mới 1,514.50 USD/oz từ mức 1,503.80 USD/oz trong phiên giao dịch ngày thứ Năm. Giá bạc cũng tăng lên mức cao nhất trong vòng 31 năm qua. Đặc biệt, giá lương thực, thực phẩm tăng cao (tăng gần 30% so với giữa năm 2010, trong đó giá ngũ cốc tăng hơn 40%) dẫn đến nguy cơ khủng hoảng lương thực thế giới.

- *Khủng hoảng nợ công vẫn tiếp tục phủ bóng đen lên khu vực châu Âu.* Tình hình nợ công tại Hy Lạp vẫn tồi tệ khiến cơ quan xếp hạng tín dụng Moody hạ ba bậc xếp hạng tín dụng của nước này, trong khi đó Bồ Đào Nha cũng chính thức phải xin EU hỗ trợ. Ngoài khu vực châu Âu, Mỹ và Nhật Bản cũng đang đứng trước nguy cơ bị giảm mức xếp hạng tín dụng khi nợ công lên tới mức kỷ lục. Nợ công của Mỹ đã vượt 14 nghìn tỷ USD và dự đoán sẽ chạm mức trần 14,3 nghìn tỷ USD sau hơn một tháng nữa. Nợ công của Nhật Bản trước khi xảy ra động đất, sóng thần cũng đã ở mức 200% GDP.

- *Thị trường tài chính tiền tệ quốc tế vẫn biến động phức tạp:* Thị trường chứng khoán thế giới bị tác động mạnh trước những biến cố chính trị và thiên tai. Chỉ sau một tuần xảy ra thảm họa tại Nhật Bản, chứng khoán thế giới chịu thiệt hại khoảng 1.600 tỷ USD, trong khi đó xu hướng rút vốn khỏi thị trường chứng khoán của các nước A-rập vẫn tiếp tục diễn ra. Còn tại các thị trường mới nổi ở châu Á, nhà đầu tư đã rút gần 25 tỷ USD trong quý I-2011 (mức cao nhất kể từ quý III-2008); Thị trường trái phiếu quốc tế cũng bị tác động khi Nhật Bản phải cơ cấu lại việc nắm giữ loại tài sản này để tập trung nguồn lực tài chính tái thiết đất nước, trong khi Trung Quốc cũng không có ý định nắm giữ thêm trái phiếu Chính phủ Mỹ; Trên thị trường tiền tệ, đồng USD tiếp tục xu hướng giảm giá so các đồng tiền chủ chốt, ngược lại đồng ơ-rô trong quý I tăng giá mạnh nhất trong lịch sử (tăng 3,5%); Thị trường bất động sản của hai nền kinh tế lớn nhất thế giới là Mỹ và Trung Quốc chưa có dấu hiệu tích cực và đang ảnh hưởng tiêu cực đến hệ thống ngân hàng. Tại Mỹ, thị trường nhà đất chưa phục

hồi, giá nhà đất đã giảm tháng thứ 6 liên tiếp và chỉ cao hơn 1% so với mức đáy trong thời kỳ suy thoái tồi tệ nhất năm 2009, khiến cho hơn 800 ngân hàng nước này tiếp tục lâm vào tình trạng khó khăn. Còn tại Trung Quốc, kế hoạch làm dịu cơn sốt giá nhà đất của Chính phủ nước này chưa có kết quả (giá bất động sản tăng bình quân hơn 6%/tháng) trong khi giá trị các khoản vay dành cho bất động sản trong hai năm qua đã lên tới 2,7 nghìn tỷ USD.

- *Các luồng vốn đầu tư, thương mại toàn cầu bị xáo trộn*, khiến ngay cả Trung Quốc cũng phải chịu thâm hụt thương mại cao nhất trong bảy năm qua (lên 7,3 tỷ USD tháng 2-2011). Đặc biệt, thiên tai tại Nhật Bản đang khiến cho hệ thống sản xuất toàn cầu của một số mặt hàng điện tử, công nghệ cao chịu ảnh hưởng nặng nề, do khu vực chịu ảnh hưởng thiên tai ở Nhật Bản là nơi sản xuất chính ra thị trường thế giới những sản phẩm, như tấm silic sử dụng trong công nghệ sản xuất chất bán dẫn, bộ vi xử lý cho các loại điện thoại thông minh, tấm dẫn di hướng cho công nghệ sản xuất màn hình LCD, pin lithium cho các sản phẩm điện tử...

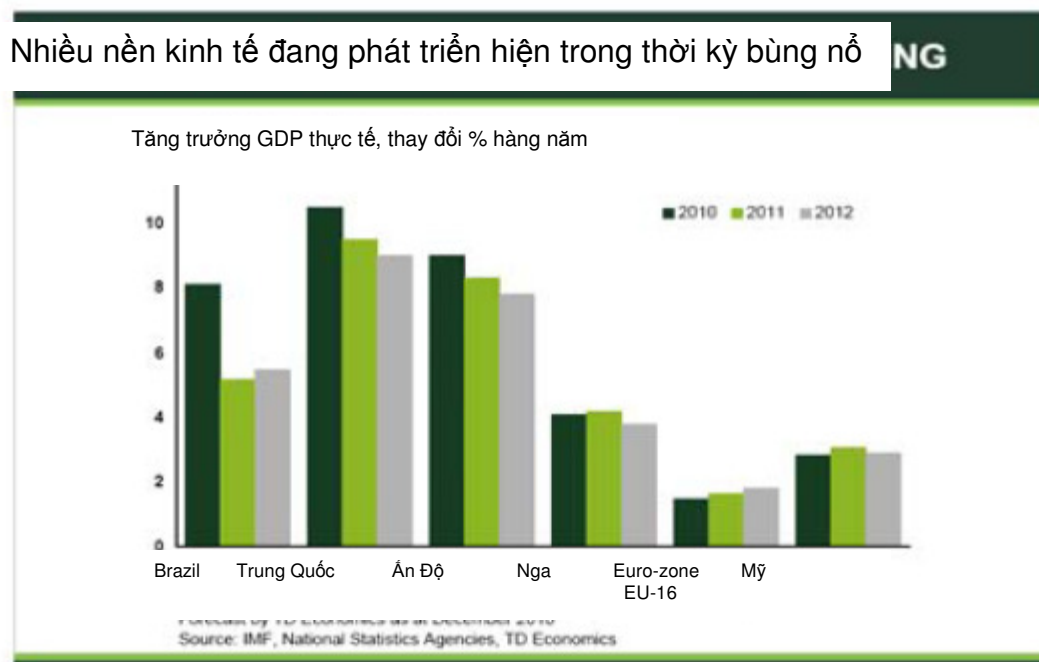
- *Những khó khăn về kinh tế đang gây ra bức xúc trong xã hội, từ đó phát sinh những tiêu cực khó lường tới tình hình chính trị của một số quốc gia*. Những cuộc biểu tình phản đối, lật đổ chính phủ ở Bắc Phi, Trung Đông đều có nguồn gốc sâu xa từ những khó khăn về kinh tế (như ở Ai Cập, có tới 30% dân số sống dưới mức nghèo khổ, nợ nước ngoài chiếm gần 50% GDP, lạm phát tăng tới hơn 20% năm 2008, 14% năm 2009 và 10% năm 2010, trong số 80 triệu dân có hai phần ba ở độ tuổi dưới 30 và nhóm tuổi này chiếm tới 90% số người thất nghiệp; khoảng cách giàu nghèo gia tăng, chất lượng cuộc sống suy giảm...). Biểu tình đã bùng phát nhanh chóng và gây ra những bất ổn chính trị nghiêm trọng tại khu vực Trung Đông, Bắc Phi và trong bối cảnh hội nhập, toàn cầu hóa hiện nay nó đã lan tỏa rất nhanh, ảnh hưởng tới tình hình khu vực và bầu không khí chính trị quốc tế.

- Trong bối cảnh kinh tế thế giới đang chuyển từ trạng thái tăng trưởng yếu sang lạm phát cao, *nhiều nước đã phải thay đổi chính sách kinh tế theo hướng chuyển mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng sang tập trung ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát*; với những biện pháp chủ yếu như: Thắt chặt chính sách tiền tệ thông qua nâng lãi suất cơ bản, tỷ lệ dự trữ bắt buộc (Ngân hàng Trung ương châu Âu, Trung Quốc, Nga, Ấn Độ...); Đưa ra các gói hỗ trợ tài chính để tăng lương cho người lao động bù lạm phát, hỗ trợ cho sinh viên và người thất nghiệp để cải thiện phúc lợi xã hội (A-rập Xê-út, Thái-lan...); Cơ cấu lại đầu tư công theo hướng giảm tổng chi nhưng tăng chi cho khu vực nông nghiệp để giữ vững an ninh lương thực và an sinh xã hội cho khu vực nông thôn (Trung Quốc, Ấn Độ); Tiếp tục duy trì các chương trình trợ giá cho các mặt hàng chiến lược (Ấn Độ, An-giê-ri, Ma-rốc đối với mặt hàng lương thực, thực phẩm, In-đô-nê-xi-a, Gioóc-đa-ni đối với xăng, dầu...). Nhiều nước lớn đã phải điều

chính mục tiêu phát triển theo hướng bền vững và hướng nội, như trong kế hoạch phát triển mới nhất Trung Quốc đã hạ mục tiêu tăng trưởng GDP trong 5 năm tới xuống 7%/năm, so với 7,5% trong 5 năm qua. Chính sách của chính quyền Mỹ hiện cũng tập trung chủ yếu vào các vấn đề đối nội, coi trọng phát triển nội lực, cơ cấu lại nền kinh tế, giảm thâm hụt ngân sách, tái cấu trúc lại bộ máy chính quyền liên bang.

II. Những vấn đề nổi bật tại một số nền kinh tế

Tuy có nhiều biến động bất lợi, một số nền kinh tế đang phát triển vẫn đi lên nhanh chóng. Các nước BRIC (Brazil, Nga, Ấn Độ, và Trung Quốc) được dự báo sẽ đạt tốc độ tăng trưởng GDP thực tế hàng năm (có tính đến tốc độ lạm phát) từ khoảng 4,0% đến 9,0% trong năm 2011 và 2012.



1. Nền kinh tế Mỹ

Tiếp tục phục hồi khá mạnh từ điểm đáy của năm 2009, đạt thành tích tăng trưởng liên tiếp trong 5 quý và đạt tốc độ tăng trưởng hàng năm cao nhất kể từ năm 1988. Tăng trưởng GDP thực tế của Mỹ ước đạt 3% đến 4% trong năm 2011. Một dấu hiệu quan trọng cho thấy đà phục hồi đó là tỷ lệ thất nghiệp. Sau khi chạm đỉnh ở ngưỡng 10% trong năm 2009, số liệu thống kê về tình hình thất nghiệp của Mỹ có xu hướng thấp dần, dù tốc độ giảm khá chậm, xuống mức 8,8% hiện nay. Tuy nhiên, mỗi sự phục hồi đều tiềm ẩn nhiều nguy cơ và thách thức, trường hợp này cũng vậy. Mặc dù có những tín hiệu khả quan do việc thực hiện QE2, nhưng kinh tế Mỹ vẫn còn nhiều vấn đề cần giải quyết. Tại Mỹ, thị trường nhà ở vẫn còn yếu, lượng cung nhà ở còn tồn đọng vẫn khá lớn. Từ năm 2001 đến năm 2005, tốc độ nguồn cung nhà ở tại

Mỹ là 4 đến 5 tháng. Đến tháng 10 năm 2010, con số này đã chạm đỉnh là 12 tháng rồi giảm xuống còn 10 tháng. Điều này cho thấy vẫn có sự mất cân đối lớn giữa cung và cầu, như vậy sẽ tạo thêm áp lực lên giá nhà ở và quá trình phục hồi kinh tế đang diễn ra.

Theo những tin tức được công bố, chỉ số giá cả nhà tháng 1/2011 của 20 thành phố đã giảm 3,1% so với tháng 1/2010 và ở mức tương đương của năm 2009, là tháng thứ 7 liên tiếp thị trường nhà sụt giảm. Điều này phản ánh sự chưa chắc chắn, chưa có đột phá của kinh tế Mỹ, một nền kinh tế hướng về tiêu dùng, do vậy giá nhà suy giảm liên tục vẫn là chủ đề "nóng" cho các nhà điều hành kinh tế Mỹ.

Song song với việc thực hiện QE2, nước Mỹ vẫn không quên tái cơ cấu hệ thống ngân hàng theo Luật cải cách Phố Wall được thông qua năm 2010, theo đó cho phá sản các ngân hàng không đủ khả năng hoạt động là một hướng xử lý quan trọng. Với tinh thần đó, nước Mỹ đã "mạnh tay" dẹp bỏ nhiều ngân hàng làm ăn thua lỗ và không có lợi cho kinh tế Mỹ. Theo các số liệu đã công bố, năm 2009 có 140 ngân hàng bị phá sản, năm 2010 tăng lên 157 ngân hàng và 3 tháng đầu năm 2011 con số ngân hàng bị phá sản là 26. Đây là những số liệu "phù hợp" khi biết rằng cuối năm 2010 nước Mỹ có 884 ngân hàng trong diện "cần được theo dõi".

Lĩnh vực tài chính-ngân hàng là một trong những ưu tiên của chính quyền Mỹ. Cam kết "cải cách tài chính để giảm thâm hụt ngân sách và ổn định tỷ lệ nợ so với GDP ở mức độ an toàn đối với tăng trưởng kinh tế trong tương lai" là quan điểm của Bộ trưởng Tài chính Mỹ Timothy Geithner tại Hội nghị G20 tại Nam Kinh, Trung Quốc vừa qua.

Như đã nêu, tỷ lệ thất nghiệp đã giảm từ 8,9% xuống 8,8% với 216.000 việc làm. Nếu tính từ thời điểm khủng hoảng kinh tế thế giới ở mức đáy (3/2009) thì 8,8% là con số thấp nhất. Đây là tín hiệu đáng mừng cho kinh tế Mỹ khi chỉ số thất nghiệp luôn là chỉ số quan trọng để đánh giá sự vận động bên trong của nền kinh tế số 1 thế giới này. Nếu tỷ lệ thất nghiệp tiếp tục được giảm bớt, kinh tế Mỹ sẽ thêm một lực đẩy. Điều này là cần thiết trong bối cảnh kinh tế thế giới tháng 3 có nhiều tín hiệu xấu trong 3 trên 4 nền kinh tế lớn nhất thế giới.

2. Trung Quốc

Lạm phát và lãi suất luôn là chủ đề lớn khi nói đến kinh tế Trung Quốc thời điểm này. Nguyên nhân lạm phát đã được phân tích, các giải pháp kiềm chế lạm phát đã được đưa ra...nhưng lạm phát chưa giảm, lạm phát vẫn là con ngựa "bất kham". Theo những dự báo của giới chuyên môn, CPI tháng 3 của Trung Quốc là 5,4%, đây quả thật là con số không vui khi Trung Quốc đã chống lạm phát một cách quyết liệt, hết

tăng dự trữ bắt buộc lại đến tăng lãi suất, trong khi đó giá thực phẩm lại "đua" cùng giá nhà đất và đều tăng cao...

Có lẽ cấu trúc kinh tế Trung Quốc có những khác biệt cho nên ngăn chặn lạm phát cần phải mất nhiều thời gian hơn. Một trong những vấn đề lớn của kinh tế Trung Quốc hiện nay ngoài lạm phát còn có vấn đề tiêu dùng nội địa. Chi tiêu nội địa đã giảm mạnh vào thời điểm hiện nay. Đây là điểm mâu thuẫn với tăng trưởng cao (9,5-10%) và thu nhập đạt 3.000 USD/người cũng như vị thế của nền kinh tế thứ 2 thế giới. Điều này phản ánh kinh tế Trung Quốc chưa có tính ổn định cao, còn phụ thuộc nhiều vào kinh tế đối ngoại. Đây cũng là điều khác biệt nếu so sánh với kinh tế Mỹ.

Một số chuyên gia phương tây cho rằng, một trong những mối nguy hiểm hiện nay là lạm phát ở Trung Quốc đang trở thành một vấn đề nổi cộm và nó đang ảnh hưởng tới các nước khác.

Từ trước tới nay, người tiêu dùng ở rất nhiều nước đã quen với việc mua hàng hóa giá rẻ như bèo từ Trung Quốc. Nhưng giờ đây, điều này đã đang thay đổi. Giá hàng hóa tại đất nước tỷ dân này đang ngày càng đắt lên và việc Trung Quốc vẫn xuất khẩu một lượng lớn hàng hóa ra thế giới đã khiến rất nhiều người cho rằng họ đang xuất khẩu lạm phát sang nước mình. Và Trung Quốc đang góp phần làm cho tình trạng lạm phát toàn cầu trở nên tồi tệ hơn. Theo họ, Trung Quốc đã thiếu thận trọng trong chính sách mở rộng tiền tệ.

Trong vài thập kỷ qua, hàng hóa của Trung Quốc được sản xuất ra và xuất khẩu với giá rất rẻ chủ yếu là do sử dụng lao động rẻ và sử dụng quá mức các nguồn tại nguyên. Nhưng giờ đây, nhân công Trung Quốc đã yêu cầu mức lương cao hơn nhiều và do vậy, giá hàng hóa không thể còn được như trước.

Về phân mình, các nhà kinh tế Trung Quốc lại cho rằng, trên thực tế lạm phát tại nước này không phải là vấn đề quá lớn. Mức tăng 4,9% trong 12 tháng không phải là cao nếu so với các nước khác và điều quan trọng là lương thực và thực phẩm tại đây vẫn dồi dào. Nhìn chung, theo các chuyên gia Trung Quốc, nền kinh tế nước này vẫn đang phát triển khá bền vững. Điều mà họ muốn nhấn mạnh Trung Quốc cũng là nạn nhân của lạm phát toàn cầu mà nguyên nhân chủ yếu là do chính sách tiền tệ nới lỏng quá mức của Mỹ.

Theo các chuyên gia Trung Quốc, đồng nhân dân tệ không phải là đồng tiền dự trữ toàn cầu vì thế những tác động trong chính sách kích thích kinh tế của nước này không thể ảnh hưởng tới thế giới bên ngoài.

3. Khu vực đồng Euro và Vương quốc Anh

Những biện pháp nghiêm ngặt mới đây dự kiến sẽ giữ tốc độ tăng trưởng GDP thực tế ở mức 2% hoặc thấp hơn. Do đó sẽ tạo thành gió ngược gây cản trở tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong tương lai.

Cơ quan đánh giá tín dụng Moody's ngày 18-4 hạ hai bậc xếp hạng của bốn ngân hàng Ireland xuống tương đương với xếp hạng rác, mang lại áp lực nhiều hơn cho các nước khác tại khu vực đồng euro (eurozone). Theo thông tin do Moody's phát hành, đánh giá tiền gửi dài hạn của Bank of Ireland bị giảm hai bậc xuống Ba1. Trong khi đó, ba ngân hàng khác của Ireland bị hạ xuống Ba2, thấp hơn một bậc so với Bank of Ireland. Tuần trước, Moody's đã hạ xếp hạng tín dụng nợ của Ireland do sức mạnh tài chính của Ireland tiếp tục suy yếu. Ireland hiện đang phải vật lộn với khoản nợ khổng lồ. Cuối năm ngoái, nước này đã nhận viện trợ quốc tế trị giá 113 tỉ đô la Mỹ. Trước đó ngày 15-4, Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) và Liên minh châu Âu (EU) cho biết nỗ lực để vượt qua khủng hoảng nợ của Ireland “hiệu quả”. Tuy nhiên, Moody's vẫn lo lắng về khả năng đối phó với các khoản nợ của Ireland. Cơ quan này cho biết trong một tuyên bố, nếu các mục tiêu củng cố tài chính của Ireland không thực hiện được, xếp hạng tín dụng của Ireland có thể sẽ giảm hơn nữa.



Tây Ban Nha, Hy Lạp tăng tỷ lệ thu lợi trên trái phiếu

Ngày 18-4, Bộ Tài chính Tây Ban Nha bán tổng cộng 4,66 tỉ đô la Mỹ trái phiếu với tỷ lệ thu lợi trên trái phiếu cao hơn trái phiếu cùng loại được bán đầu giá vào tháng trước. Tỷ lệ thu lợi của trái phiếu kỳ hạn 10 năm của Tây Ban Nha tại thị trường thứ cấp tăng đến 5,59%, mức cao nhất kể từ khi Tây Ban Nha gia nhập eurozone. Cùng ngày, tỷ lệ thu lợi trên trái phiếu của Hy Lạp, Bồ Đào Nha, Ý và Bỉ cũng tăng lên.

Các nhà đầu tư bán tháo trái phiếu chính phủ của các nước eurozone do lo lắng Hy Lạp sẽ cơ cấu lại các khoản nợ. Trước đó, Hy Lạp đề nghị gia hạn thời gian trả nợ lên đến 30 năm, kết quả là tỷ lệ thu lợi trên trái phiếu kỳ hạn hai năm và năm năm lần đầu tiên vượt quá 18% kể từ khi eurozone ra đời.

4. Nhật Bản

Thảm họa động đất và sóng thần mới đây sẽ tạo thêm áp lực rất lớn đối với nền kinh tế vốn đang phải vật lộn khó nhọc. Dù Nhật vẫn chịu tốc độ tăng trưởng cực thấp trong gần 20 năm (có cả giai đoạn giảm phát), nước này vẫn là nền kinh tế lớn thứ ba trên thế giới, chiếm khoảng 8,7% trong GDP toàn cầu tính đến năm 2010, theo số liệu của IMF (quỹ tiền tệ quốc tế). Rất khó có thể dự báo tác động kinh tế lớn nhất của động đất/ sóng thần dù các chuyên gia phân tích vẫn nỗ lực làm việc này. Ngân hàng của Mỹ Merrill Lynch dự báo tăng trưởng GDP của Nhật sẽ giảm 0,5% xuống khoảng +1,0% vào năm 2011. Nếu dự báo này chính xác thì thực tế đó sẽ có ảnh hưởng đến tăng trưởng GDP toàn cầu.

Sau năm 2011, hoạt động kinh tế của Nhật sẽ có khả năng cải thiện khi đất nước được tái thiết. Thị trường có xu hướng phản ứng rất nhanh trước những sự kiện thảm họa như vậy và khi thông tin rõ ràng hơn thì thị trường sẽ bình thường hóa khá nhanh, thường là trong vòng 30 ngày. Tuy nhiên, trong trường hợp này, dự cảm tiêu cực có vẻ sâu sắc hơn vì những bất trắc đang tồn tại xoay quanh các cơ sở hạt nhân bị hủy hoại ở Nhật. Thiếu nguồn cung điện và niềm tin người tiêu dùng suy yếu nên nhiều nhà máy buộc phải đóng cửa.

Kinh tế Nhật Bản trong ngắn hạn sẽ bị ảnh hưởng nặng. Đến nay, quan chức Nhật Bản ước tính sơ bộ thiệt hại kinh tế lên đến 20.000 tỉ yen (hơn 248 tỉ đô la Mỹ), tương đương 2% tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Nhật Bản, cao hơn so với thiệt hại của trận động đất Kobe năm 1995.

Phục hồi theo hình chữ V

Theo một bài báo trên tờ *The Wall Street Journal*, GDP quý 1-2011 của Nhật Bản có thể tăng trưởng âm, quý 2-2011 sẽ được cải thiện, quý 3-2011 và quý 4-2011 sẽ phục hồi mạnh mẽ. Cả năm 2011, GDP của Nhật Bản có thể tăng trưởng 1,5%. Bài báo nhận định sự phục hồi theo hình chữ V của Nhật Bản sẽ không ảnh hưởng đến tốc độ phục hồi kinh tế toàn cầu.

Ảnh hưởng chính sách tiền tệ

Do tỷ lệ lãi suất của Nhật Bản hiện gần bằng 0, Ngân hàng trung ương Nhật Bản thông báo sẽ bơm 22.000 tỉ yen (tương đương 269 tỉ đô la Mỹ) vào nền kinh tế và 10.000 tỉ yen (tương đương 122 tỉ đô la Mỹ) vào chương trình mua tài sản. Đây là

lượng vốn bơm vào nền kinh tế lớn nhất trong lịch sử Nhật Bản. Mục tiêu của Ngân hàng trung ương Nhật Bản là cung cấp thanh khoản đầy đủ cho các ngân hàng nhằm tránh bất kỳ sự phá sản nào cũng như lấy lại niềm tin của thị trường. Kể từ ngày 11-3, chỉ số Nikkei 225 giảm hơn 5%.

Khó khăn của Nhật Bản sẽ khiến các ngân hàng trung ương phương Tây, đặc biệt là Cục dự trữ liên bang (Mỹ), duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng. Nhật Bản bơm thanh khoản vào nền kinh tế cũng sẽ khiến dòng vốn toàn cầu tăng lên.

Nợ công cao hơn

Thủ tướng Nhật Bản Naoto Kan tuyên bố sẽ cung cấp 1.300 tỉ yen cho quỹ cứu trợ khẩn cấp. Kế hoạch này có thể khiến thu chi tài chính của Nhật Bản mất cân đối hơn nữa. Hiện nay, khoản nợ của Nhật Bản gần 200% GDP, trận động đất này chắc chắn sẽ làm trầm trọng thêm tình trạng nợ. Tổ chức xếp hạng tín dụng Standard & Poor's gần đây đã hạ bậc xếp hạng tín dụng của Nhật Bản xuống AA-, do nguy cơ nợ của Nhật Bản gia tăng và nghi ngờ về khả năng cầm quyền của đảng Dân chủ.

Giảm áp lực giảm phát tại Nhật Bản

Chính sách tiền tệ nới lỏng hỗ trợ hoạt động tái thiết và giá lương thực trong nước tăng sẽ làm suy yếu áp lực giảm phát của Nhật Bản. Tăng trưởng theo hình chữ V thường khiến năng suất và nhu cầu về năng lượng cao hơn, dẫn đến áp lực tăng lương và giá cả. *The Wall Street Journal* ước tính tình trạng tại Nhật Bản tác động đến lạm phát toàn cầu ở mức trung bình.

Tác động đến hàng hóa

Thị trường năng lượng: Nhật Bản phụ thuộc nhiều vào năng lượng hạt nhân. Nước này hiện có 56 nhà máy điện hạt nhân, cung cấp 30% năng lượng cho cả nước. Trận động đất làm 11 nhà máy điện hạt nhân phải đóng cửa, dẫn đến tình trạng thiếu điện trong ngắn hạn. Chính phủ Nhật Bản đã công bố cắt điện luân phiên tại 8 tỉnh trong những tháng tới. Do khó khăn trong thời gian sửa chữa các nhà máy điện hạt nhân, nhu cầu về than đá có thể sẽ tăng lên để tạo ra nguồn cung cấp điện bổ sung. Điều này có nghĩa là áp lực về giá than trong năm 2011 sẽ tăng lên.

Thị trường nông sản: Trận động đất này mang lại áp lực cho ngành nông nghiệp Nhật Bản, làm tăng áp lực lên giá lương thực toàn cầu. Tuy nhiên, tác động này sẽ hạn chế vì một số lượng đáng kể các loại thực phẩm, bao gồm lúa mì, đậu nành, ngô... nhập khẩu gần 100%. Chỉ có gạo của Nhật Bản là tự cung tự cấp và đất nông nghiệp bị ảnh hưởng chiếm 30% tổng sản lượng. Vì vậy, dù lượng gạo tồn kho của Nhật Bản cao nhưng trong ngắn hạn vẫn sẽ gây áp lực lên giá gạo toàn cầu. Tuy nhiên, giá lúa trung bình sẽ vẫn tương đối ổn định trong năm nay do sự phục hồi tốt

trong sản xuất lúa gạo toàn cầu và dự báo của Tổ chức Lương Nông Liên hiệp quốc (FAO) cho rằng giá gạo năm nay sẽ giảm 3,7%.

Thị trường kim loại cơ bản: Trận động đất có thể dẫn đến giá thép tăng cao, do nhiều nhà máy thép bị buộc phải ngừng sản xuất, dẫn đến việc cung ứng thép toàn cầu giảm trong ngắn hạn. Đồng thời, việc ngưng sản xuất thép trong ngắn hạn sẽ làm giảm nhu cầu về quặng sắt, nguyên liệu chính trong sản xuất thép. Trong trung hạn, khi quá trình tái thiết bắt đầu, nhu cầu kim loại màu, thép và đồng sẽ tăng lên.

Thị trường kim loại quý: Trận động đất ảnh hưởng nhẹ đến giá vàng. Một ngày sau động đất, giá vàng quốc tế tăng 0,66%, lên 1.422,67 đô la Mỹ/ounce. Tuy nhiên, sự việc sẽ khiến rủi ro toàn cầu ở mức cao và do đó giá vàng sẽ ở mức cao.

Tác động đến các ngành công nghiệp chính

Các ngân hàng và công ty bảo hiểm của Nhật Bản bị tác động tiêu cực của trận động đất. Ngoài thiệt hại của ngành công nghiệp tài chính, các ngành công nghiệp khác, đặc biệt là ngành công nghiệp điện tử và ô tô tại các khu vực bị ảnh hưởng sẽ tác động trên toàn thế giới.

Nhật Bản là nước sản xuất lớn trên thế giới trong lĩnh vực bán dẫn. Tỉnh Iwate, Fukushima và Miyagi bị ảnh hưởng nhiều nhất trong trận động đất lần này, các khu vực này đều là cơ sở sản xuất phụ tùng ô tô, sản phẩm bán dẫn và màn hình LCD lớn. Do thiên tai, Toshiba đã đóng cửa nhà máy sản xuất chip bộ nhớ tại các khu vực bị ảnh hưởng bởi động đất. Ngoài ra, hệ thống hậu cần bị ảnh hưởng cũng sẽ tác động đến xuất khẩu. Các nước sản xuất chip lớn như Trung Quốc, Hàn Quốc và các nước mới nổi khác có thể được lợi. Cạnh tranh gay gắt trong ngành công nghiệp này sẽ làm giảm áp lực về giá cả. Ngành công nghiệp ô tô của Nhật Bản cũng bị ảnh hưởng. Ô tô từ Nhật Bản chiếm 1/3 tổng lượng ô tô nhập khẩu của Trung Quốc. Trong ngắn hạn, do sản xuất giảm và lượng hàng tồn kho thấp, các nhà sản xuất ô tô Nhật Bản không thể đáp ứng nhu cầu, dẫn đến nguồn cung thắt chặt. Ngoài ra, việc sản xuất thép của Nhật Bản bị ảnh hưởng cũng tác động đến dây chuyền sản xuất công nghiệp. Những sự kiện trên có thể tăng cường khả năng cạnh tranh trong ngành công nghiệp ô tô của Trung Quốc, Mỹ và khu vực đồng euro.

5. Libya

Về phương diện kinh tế, những sự kiện hiện nay ở Libya cho thấy rủi ro không thể biết trước đối với những kỳ vọng về nguồn cung dầu mỏ trong tương lai. Libya sản xuất khoảng 1,8 triệu thùng dầu mỗi ngày, tương đương 2% trong tổng cung dầu của cả thế giới. Gián đoạn với nguồn cung này có khả năng khiến giá dầu thế giới tăng. Điều này có ý nghĩa tích cực với những nước nắm giữ nguồn năng lượng, nhưng

lại không có ý nghĩa như vậy với tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Tính đến thời điểm này trong năm 2011, giá dầu thế giới đã tăng gần 11,7%.

Nền kinh tế trì trệ của Libya khiến người ta lo ngại về vấn đề thanh khoản nếu cuộc khủng hoảng chính trị tại nước này không được giải quyết.

Tăng lãi suất lên gấp đôi là một trong những biện pháp cấp bách mà Chính phủ Libya phải thực hiện cùng với những biện pháp khác trong những tuần gần đây nhằm hạn chế sử dụng nhiên liệu và ngăn người dân rút tiền tiết kiệm.

Theo số liệu thống kê, 75% dân số Libya sống ở khu vực miền Tây vẫn nhận lương, lương hưu và trợ giúp của chính phủ, bất chấp sự phong tỏa của cộng đồng quốc tế. Chính phủ Libya hiện vẫn đảm bảo được việc chi trả lương và lương hưu, mặc dù các hóa đơn này là rất lớn.

Kể từ khi bắt đầu cuộc khủng hoảng chính trị, phần lớn người dân đã mua lương thực để tích trữ, tác động tới 50% hàng hóa tiêu dùng. Đa số lao động nước ngoài, ước tính khoảng 2 triệu người, đã rời khỏi Libya.

Theo Bộ Tài chính Libya, nếu người dân nhận ra rằng tiền của họ an toàn trong các ngân hàng trong khi hưởng lợi lớn thì lòng tin của họ sẽ tăng lên. Chính phủ Libya đã giới hạn việc rút tiền mặt từ ngân hàng xuống mức 1.000 dinar, dựa trên chi phí cần thiết để chi tiêu trong một tháng, đồng thời khuyến khích người dân mua vàng như một hình thức đảm bảo an toàn.

Xét tới các dự án đầu tư của Libya, nước này sở hữu 2,64% tổng giá trị của Sở giao dịch chứng khoán Jordan, tương đương khoảng 700 triệu USD, với 100 cổ đông sở hữu hơn 82 triệu cổ phiếu.

Ngân hàng Nước ngoài Libya góp tới 15,94% vốn trong Ngân hàng Nhà ở và 4,54% vốn của Ngân hàng Jordan. Ngân hàng này còn sở hữu 12,79% vốn của Ngân hàng đầu tư Ả-rập-Jordan với 100 triệu cổ phiếu.

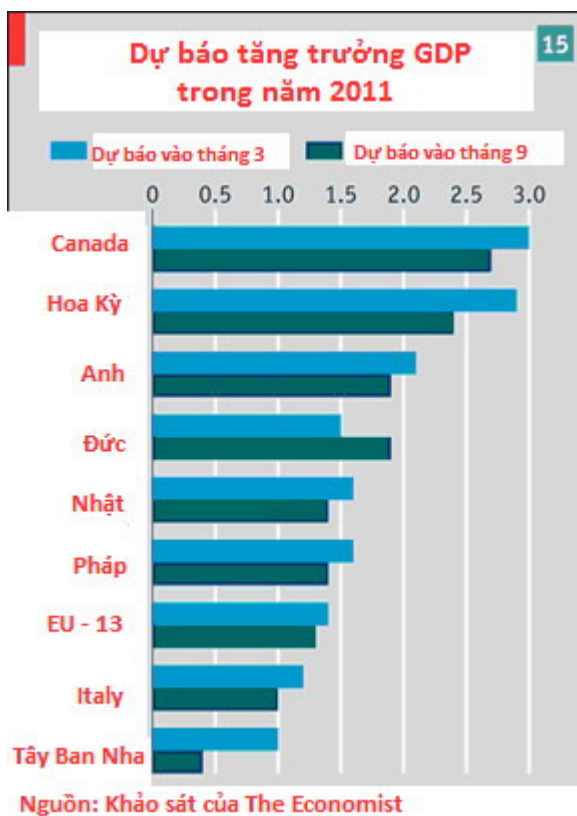
Giới quan sát đang đặt dấu hỏi về tương lai của các khoản đầu tư nước ngoài và Ả-rập ở Libya cũng như tác động đối với các nền kinh tế kết hợp với Libya, xét tới bất ổn chính trị mà quốc gia này đang phải đối mặt, nhất là sau khi xuất hiện quỹ đầu tư quốc gia Libya với số tài sản ước tính khoảng 80 tỷ USD.

III. Một số xu thế của kinh tế thế giới trong năm 2011

Những biến động mới đây ở Nhật và Trung Đông/ Libya nhắc chúng ta phải nhớ rằng những sự kiện và bất trắc lớn đột ngột có thể làm thay đổi bức tranh kinh tế toàn cầu. Dự báo, những chính sách có tính chất thắt lưng buộc bụng và thắt chặt tiền tệ của các nước sẽ khiến cho nền kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại trong ngắn hạn; lạm phát sẽ được kiểm soát nhưng chỉ trong trường hợp không gặp bất lợi từ giá dầu

và giá lương thực, thực phẩm; và tại một vài nước, những khó khăn về kinh tế sẽ là yếu tố để chuyển hóa thành những bất ổn về chính trị - xã hội.

Theo dự báo của các chuyên gia của các tổ chức kinh tế quốc tế, năm 2011 mức tăng trưởng kinh tế thế giới vẫn còn khiêm tốn, thấp hơn mức dự báo trước đây. Báo cáo thường niên của Liên Hợp Quốc “Tình hình và triển vọng kinh tế thế giới năm 2011” công bố ngày 1/12/2010 cho thấy mức tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2011 là 3,1% và năm 2012 là 3,5%. Còn theo OECD, kinh tế thế giới năm 2011 sẽ tăng trưởng ở mức 4,2% thay cho 4,5% được đưa ra hồi giữa năm 2010. Tăng trưởng kinh tế năm 2012 cũng chỉ đạt mức 4,6%.



1. Bóng ma suy thoái kép

Khi giá dầu vẫn tăng không ngừng nghỉ, nỗi lo suy thoái kép tưởng như đã được loại bỏ nay lại có dấu hiệu trở lại. Cuối tuần thứ 3 của tháng 4, giá dầu thô đã có lúc tăng vượt 112,48 USD/thùng và vẫn chưa có dấu hiệu dừng lại khi đồng đô la Mỹ tiếp tục mất giá. Giá dầu đã bước vào ngưỡng không ổn định và giá cả gần đây cho thấy các chỉ báo về giai đoạn đầu của bong bóng giá dầu.

Công ty tư vấn đầu tư CheckRisk cảnh báo rằng việc giá dầu tăng có thể làm kinh tế toàn cầu mất 3% tăng trưởng trong năm nay và khiến những nước như Ireland và Hy Lạp chìm sâu vào khủng hoảng kinh tế. CheckRisk đưa ra 4 kịch bản cho giá dầu trong năm 2011 với khả năng “xác suất” cao nhất là 135 USD/thùng và khả năng

cao tiếp theo là 150 USD/thùng. Với viễn cảnh này, 2-3% tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ “biến mất” và còn nhiều vấn đề và hiệu ứng phụ khác. “Các hiệu ứng phụ sẽ ảnh hưởng lớn tới các nền kinh tế châu Âu vốn nợ nhiều khi nhu cầu sẽ giảm mạnh và người tiêu dùng cắt giảm chi tiêu. Thị trường nhà đất ở Anh sẽ chịu nhiều sức ép khi lạm phát đình đốn (stagflation) xảy ra,” CheckRisk nhận định. CheckRisk cũng chỉ ra rằng hệ thống ngân hàng ở châu Âu sẽ chịu thêm nhiều sức ép mới và cảnh báo nợ Bồ Đào Nha, Hy Lạp và Ireland sẽ rõ ràng hơn nếu viễn cảnh giá dầu trên là hiện thực. Điều này là không chủ quan khi các cú sốc giá dầu là không thể dự báo do kinh tế toàn cầu còn bất ổn. “Bất ổn tiếp tục ở Trung Đông, rủi ro thay đổi chính phủ và nội chiến kéo dài ở Libya sẽ đẩy giá dầu cao hơn và chắc chắn hướng kinh tế thế giới vào suy thoái kép (double-dip recession), CheckRisk nói.

Theo CheckRisk, giá dầu tăng ổn định 10 USD/thùng trong 3 tháng, kinh tế toàn cầu sẽ mất 0,5% và lạm phát tăng 1%. Tại mức giá 108 USD/thùng, kinh tế toàn cầu đã mất 1% (tăng trưởng chậm lại trong năm 2011). Nếu giá dầu ở quanh 115-120 USD/thùng, cầu sẽ giảm mạnh, kéo theo sản xuất giảm. Nếu giá dầu duy trì ở mức hiện tại trong vòng vài tuần, các nền kinh tế yếu như Anh có thể suy thoái trở lại, kinh tế Mỹ và nước tiêu thụ nhiều dầu thô như Trung Quốc sẽ chậm lại nhanh hơn.

Bất ổn ở Trung Đông và Bắc Phi đã “ủng hộ” xu hướng giá dầu tăng. Nouriel Roubini, giáo sư kinh tế và kinh doanh quốc tế tại trường đại học New York, nói rằng bất chấp việc kinh tế toàn cầu đang hồi phục, nếu giá dầu vượt ngưỡng 100 USD/thùng sẽ có ảnh hưởng rất xấu, và ảnh hưởng có thể lớn như đã từng xảy ra khi giá dầu đạt 147 USD/thùng năm 2008.

Hơn thế giá dầu cao có thể là chất xúc tác cho một cuộc khủng hoảng tài chính lớn hơn cuộc khủng hoảng mà chúng ta đã chứng kiến trong giai đoạn 2007-2010.

Thực khó dự báo mức giá dầu như thế nào sẽ được coi là mức nguy hiểm đối với nền kinh tế toàn cầu. Nariman Behraves, kinh tế trưởng tại IHS Global Insight, nói rằng phải tới ngưỡng 150 USD/thùng, ngưỡng mà sau khi để cho các nước xuất khẩu dầu thô “kiếm đủ”, thì “tai họa” kinh tế mới xảy ra. Thời gian sẽ trả lời liệu giá dầu cao có phải là nguyên nhân chính gây ra suy thoái kinh tế hay không nhưng các cú sốc giá dầu thập niên 1970 và đầu 80 (vốn đã gây ra suy thoái kinh tế trầm trọng) là một biến cố lịch sử khiến chúng ta phải thừa nhận rằng bất cứ sự tăng giá dầu nào đều không tốt cho tăng trưởng và ngược lại, giảm là tốt cho tăng trưởng.

2. Xu hướng điều chỉnh mô hình quản lý kinh tế “hậu suy giảm”

Tại diễn đàn Davos 2010, Tổng thống Pháp N.Sarkozy kêu gọi tiến hành một "Hội nghị Bretton Woods mới", thống nhất mức tỷ giá cố định cho các đồng tiền chủ chốt của thế giới. Thủ tướng Luxembourg đề nghị tăng cường giám sát các nền kinh

tế thành viên, thành lập khuôn khổ hành động chung nhằm củng cố kinh tế toàn bộ khu vực đồng euro...

Ngày 21/7/2010, Tổng thống Mỹ Barack Obama đã ký thông qua chính thức Đạo luật Cải cách Tài Chính Phố Wall và Bảo vệ người tiêu dùng (Dodd-Frank Wall Street and Consumer Protection Act), gọi tắt là Luật Dodd - Frank. Lý do ra đời Đạo luật Dodd-Frank bắt nguồn từ nhận thức lại của chính giới Mỹ về sự cần thiết phải đưa ra giải pháp dài hạn, mang tính tái cấu trúc và thay đổi tổng thể hệ thống tài chính Mỹ, nhằm ngăn chặn hữu hiệu và vững chắc các nguy cơ khủng hoảng tương tự trong tương lai. Theo Tổng thống Obama, Đạo luật sẽ gia tăng trách nhiệm của các định chế tài chính, nhưng không làm tê liệt thị trường tự do, thậm chí không chỉ có lợi cho người tiêu dùng, mà còn có tác động tích cực đối với nền kinh tế và giúp các nhà đầu tư đưa ra quyết định khôn ngoan hơn, chấm dứt việc dùng tiền nộp thuế của người dân để tung ra các gói cứu trợ. Đạo luật truyền đi các thông điệp cần thiết từ đó làm thay đổi nhận thức và tạo ra làn sóng mới hoàn thiện cơ sở luật pháp trong mỗi nước và quốc tế, cũng như thành lập thêm các định chế cần thiết, tăng cường các hoạt động và công cụ hữu hiệu nhằm hỗ trợ giám sát tài chính Nhà nước và bảo vệ người tiêu dùng trong hoạt động của các thị trường tài chính quốc gia và quốc tế; từ đó góp phần giữ gìn sự ổn định chung các hoạt động tài chính quốc gia và quốc tế trong tương lai.

Tỷ phú đầu cơ George Soros tại một diễn đàn ở Hong Kong đầu năm 2010 cũng cho rằng thế giới cần sớm có những tiêu chuẩn chung để tạo ra hệ thống giám sát và điều tiết nền tài chính toàn cầu sao cho có thể tránh cuộc khủng hoảng tương tự trong tương lai: "Trong xu thế toàn cầu hóa, sẽ là ý tưởng sai lầm khi giả thuyết rằng thị trường không cần điều tiết bởi bất cứ ai, bản thân các tổ chức tài chính có thể tự kiểm soát rủi ro và không phải nhờ cậy tới sự giám sát bên ngoài".

Có thể nói, trên phạm vi toàn cầu, cơ chế quản lý kinh tế “hậu suy giảm” và ngăn chặn tái khủng hoảng kinh tế - tài chính đang từng bước định hình theo hướng vừa tôn trọng tính đặc thù và đa dạng hóa, đa cực hóa, vừa đòi hỏi sự kết hợp hài hòa bàn tay thị trường và bàn tay nhà nước, các nguồn lực nhà nước và tư nhân, bảo đảm lòng tin và sự ổn định trong khu vực tài chính - ngân hàng; coi trọng chất lượng dự báo và hiệu lực giám sát, công tác thông tin, sự đồng bộ và phản ứng chính sách linh hoạt, cũng như chú ý tính 2 mặt của các chính sách, cơ chế điều tiết quốc gia và quốc tế; đẩy mạnh hợp tác quốc tế để tập trung nguồn lực và phối hợp hành động chung trên phạm vi khu vực và toàn cầu, thực hiện nghiêm túc các cam kết quốc tế. Đặc biệt, cần cải cách cả IMF và các định chế khu vực, quốc tế khác trong việc điều phối và hỗ trợ các quốc gia thành viên thiết kế các biện pháp chính sách ứng phó với tác động của khủng hoảng và suy giảm kinh tế của các quốc gia, cũng như những nỗ lực trong việc giảm nhẹ tác động tiêu cực với người dân nghèo trên toàn thế giới. Hình thành một

thế giới toàn cầu hóa và có tổ chức chặt chẽ hơn, hoạt động hiệu quả và nhân văn hơn...

Bản thân việc chuyển bớt 6% quyền bỏ phiếu của IMF từ các nước phát triển vào tay các nền kinh tế mới nổi theo thỏa thuận của Hội nghị Thượng đỉnh G20 tại Xơ Un –Hàn Quốc cuối tháng 11/2010 là tín hiệu mở đầu cho những chuyển dịch cán cân quyền lực mới chưa từng có suốt hơn 50 năm qua trong IMF, và cũng là dấu hiệu của những chuyển dịch mới quan trọng cho cơ chế quản lý thế giới mới, thời kỳ hậu khủng hoảng...

3. Kinh tế Hoa Kỳ tốt hơn dự kiến

Rất nhiều ngân hàng đầu tư đưa ra dự đoán tăng trưởng cao của kinh tế Hoa Kỳ trong năm 2011 với các lý do sau.

Thứ nhất, lạm phát không còn là vấn đề lớn của nước này trong 2 năm tới, cho dù chỉ số lạm phát tăng (3-4%). Cục Dự trữ Liên bang (FED) cũng không tăng cao lãi suất. Nguyên nhân là do cơ cấu thất nghiệp của Hoa Kỳ phải cần thời gian khá dài để giải quyết, đến cuối năm 2012 tỷ lệ thất nghiệp mới có thể giảm xuống 7%. Đến trước thời điểm này, khả năng điều chỉnh chính sách của FED là khá thấp. Hơn nữa, khi lạm phát không bị mất kiểm soát (duy trì ở mức 3%-4%) sẽ càng giúp ích cho việc hóa giải nguy cơ nợ công và một loạt các vấn đề của hệ thống ngân hàng nước này.

Thứ hai, tiêu dùng đã có tác dụng quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế Hoa Kỳ. Chính sách tài chính đã kích thích tiêu dùng, Chính phủ nước này sẽ tiếp tục chính sách giảm thuế và trợ giá cho người nghèo. Việc duy trì chính sách nới lỏng tiền tệ và chính sách tài chính đang tỏ rõ tác dụng kép hỗ trợ quan trọng trong lĩnh vực đầu tư.

Doanh nghiệp Hoa Kỳ vẫn có thực lực đầu tư lớn, lượng tiền mặt mà họ đang nắm giữ khoảng 2.500 tỷ USD. Nếu như lãi suất trung bình thấp, cộng thêm kinh tế tăng trưởng hồi phục, sẽ có tác dụng lớn trong việc huy động số tiền này đầu tư.

Thứ ba, từ đầu năm 2011 đến nay, nhu cầu của các nhà đầu tư đối với trái phiếu chính phủ Hoa Kỳ lại tăng lên, mọi người đã từng lo lắng đồng USD sẽ mất giá mạnh, trái phiếu chính phủ Mỹ sẽ gặp phải rủi ro lớn, nhưng điều đó không xảy ra.

Có thể nói, tăng trưởng kinh tế Mỹ có thể cung cấp động lực mới cho tăng trưởng toàn cầu trong năm nay.

4. Kinh tế châu Âu phân hóa lưỡng cực

Vấn đề lớn nhất mà kinh tế châu Âu phải đối mặt hiện nay là sự phân hóa 2 cực nghiêm trọng. Đó là những nước trung tâm đang phải đối mặt với rủi ro lạm phát

tăng cao, trong khi một vài nước biên duyên sẽ phải đối mặt với tái khủng hoảng tài chính khá lớn trong năm nay.

Do kinh tế khu vực bị phân tách, châu Âu phải lựa chọn chính sách tiền tệ trung dung. Khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) do không phải là một nước nên khó có thể thay đổi để đối phó, trong khi thị trường lao động lại bị chia cắt, đồng tiền đơn nhất và chính sách tiền tệ chung một lần nữa gặp phải thách thức.

Ngoài ra, sắp tới thời điểm thay đổi Chủ tịch Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB), vấn đề người kế nhiệm làm tăng thêm nhiều sự không rõ ràng. Tình hình nợ công ở châu Âu cũng chưa thể lạc quan. Các thời điểm tháng 4, tháng 8 và tháng 10 năm nay có thể sẽ là những thời kỳ rủi ro lớn, vấn đề chủ yếu là ở Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha.

So với Hoa Kỳ, châu Âu có 2 điểm khác biệt, một là sự phục hồi kinh tế ở các nước châu Âu không cân bằng; hai là châu Âu vẫn đang đối mặt với khủng hoảng mới. Ngoài ra, khi chưa lựa chọn xong người đứng đầu Ngân hàng trung ương, châu Âu cũng chưa xác định được chính sách cho tương lai. Theo dự báo kinh tế mới nhất, nền kinh tế khu vực đồng Euro sẽ tăng trưởng 1,6% và kinh tế của Liên minh châu Âu tăng 1,8% trong năm nay. Cả hai dự báo này đều tăng 0,1 điểm phần trăm so với ước tính năm ngoái.

Do việc tăng giá năng lượng và hàng hóa, dự báo lạm phát được điều chỉnh lên đến 2,2% trong khu vực đồng Euro, tăng từ 1,8% trước đó. Đối với cả năm 2011, lạm phát sẽ dưới 2%, đúng như mục tiêu của Ngân hàng Trung ương châu Âu. Đối với khu vực EU, tỷ lệ lạm phát sẽ trung bình năm 2011 sẽ ở khoảng 2,5%. Dự báo kinh tế này được thực hiện dựa trên dữ liệu từ Pháp, Đức, Ý, Hà Lan, Ba Lan, Tây Ban Nha và Anh, đại diện cho 79% GDP của EU và 83% GDP của khu vực đồng Euro.

5. Các thị trường mới nổi đối mặt 3 rủi ro

Năm 2011, rủi ro vĩ mô lớn nhất của các thị trường mới nổi bao gồm mất kiểm soát lạm phát, rủi ro tính lưu động 2 chiều và cú sốc kinh tế.

Thứ nhất, giá cả hàng hóa quốc tế, đặc biệt là gạo, bông, cao su, dầu mỏ tăng cao đều có thể tăng thêm tính không xác định của lạm phát. Giá hàng hóa đã tăng liên tiếp trong 4 quý (kể từ quý II/2010), trong đó thực phẩm, dầu mỏ, cao su, bông lần lượt tăng ở mức 20%, 12%, 22 và 48%.

Thứ hai, rủi ro mang tính lưu động của quốc tế, bao gồm dòng tiền đầu tư dài hạn dịch chuyển 2 chiều tăng lên. Chịu ảnh hưởng của tính lưu động quốc tế, “bong bóng” chứng khoán và nhà đất ở các thị trường mới nổi tăng cao, khiến các thị trường này đang phải nỗ lực kiềm chế bong bóng, tiếp tục tăng lãi suất tiền nóng.

Chính sách nới lỏng tiền tệ năm 2010 của Hoa Kỳ đã khiến một lượng tiền nóng lớn chảy vào thị trường mới nổi. Dòng tiền nóng đổ vào thị trường mới nổi trong năm 2010 đạt mức cao nhất trong 10 năm qua, bình quân mỗi tháng khoảng 6,6 tỷ USD, gấp 1,7 lần năm 2007 và gấp 6 lần năm 2003. Điều này đã làm tăng thêm khó khăn trong công tác điều tiết vĩ mô quốc gia của các thị trường mới nổi.

Năm nay, tình hình kinh tế Hoa Kỳ theo hướng tốt lên và bắt đầu hút dòng tiền nóng trở lại. Do vậy, từ cuối năm 2010 đến đầu năm nay, vốn đầu tư đã bắt đầu chuyển khỏi các thị trường mới nổi (như Hongkong, Ấn Độ, Brazil) chảy về các nước phát triển, đặc biệt là Hoa Kỳ.

Sự dịch chuyển 2 chiều của dòng tiền nóng đã hình thành các đợt sóng thị trường, tăng thêm khó khăn trong quản lý vĩ mô của các thị trường mới nổi, mang lại tính không xác định cho hướng đi tương lai.

Tuy nhiên, nếu giá nhà đất của Hoa Kỳ lại được thổi lên, vấn đề Trung Đông, Bắc Phi được giải quyết ổn thỏa, thì dòng tiền nóng cũng có thể quay trở lại các thị trường mới nổi.

Có thể nói, tính lưu động 2 chiều đã dẫn đến sự không xác định lớn ở thị trường mới nổi, bên cạnh đó, các thị trường này luôn thường trực sự lo lắng về khủng hoảng tài chính tái diễn ở châu Âu và biến động chính trị cục bộ ở khu vực.